

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

LỊCH SỬ

8



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHAN NGỌC LIÊN (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
NGUYỄN HỮU CHÍ - NGUYỄN NGỌC CƠ - NGUYỄN ANH DŨNG
TRỊNH ĐÌNH TÙNG - TRẦN THỊ VINH

LỊCH SỬ 8

(Tái bản lần thứ mười bốn)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



Lịch sử 81





Biên tập lần đầu : **LÊ HỒNG SƠN - NGUYỄN HỒNG LIÊN**

Biên tập tái bản : **ĐẶNG THỊ HUYỀN TRANG**

Biên vẽ lược đồ : **CÙ ĐỨC NGHĨA**

Biên tập mỹ thuật, kỹ thuật : **NGUYỄN BÍCH LẠ - NGUYỄN KIM DUNG**

Trình bày bìa : **NGUYỄN MẠNH HÙNG**

Sửa bản in : **LƯU HOA SƠN**

Chế bản : **CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG**

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam - Bộ Giáo dục và Đào tạo

LỊCH SỬ 8

Mã số : 2H815T8

In bản, (QĐ) khổ 17 x 24 cm.

Đơn vị in : địa chỉ

Cơ sở in : địa chỉ

Số ĐKXB : 02 - 2018/CXBIPH/337 - 932/GD.

Số QĐXB : /QĐ - GD - HN ngày ... tháng ... năm 201

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 201

Mã số ISBN : 978 - 604 - 0 - 00107 - 8



Lịch sử 82



Phần một

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI (TỪ GIỮA THẾ KỈ XVI ĐẾN NĂM 1917)

Chương I

THỜI KÌ XÁC LẬP CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN (TỪ GIỮA THẾ KỈ XVI ĐẾN NỬA SAU THẾ KỈ XIX)

Bài 1

NHỮNG CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN ĐẦU TIÊN

Những biến đổi trong kinh tế, xã hội vào cuối thời trung đại dẫn tới những cuộc cách mạng tư sản đầu tiên : Cách mạng Hà Lan, Cách mạng Anh, Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ.

I - SỰ BIẾN ĐỔI VỀ KINH TẾ, XÃ HỘI TÂY ÂU TRONG CÁC THẾ KỈ XV - XVII. CÁCH MẠNG HÀ LAN THẾ KỈ XVI

1. Một nền sản xuất mới ra đời

Vào thế kỉ XV, trên cơ sở nền sản xuất công trường thủ công, ở Tây Âu bắt đầu xuất hiện các xưởng dệt vải, luyện kim, nấu đường... có thuê mướn nhân công. Nhiều thành thị trở thành trung tâm sản xuất và buôn bán. Các ngân hàng được thành lập và ngày càng có vai trò to lớn.

Đó là nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, với sự hình thành hai giai cấp mới : giai cấp tư sản và giai cấp vô sản.

Trong nền sản xuất mới, giai cấp tư sản có thể lực về kinh tế, nhưng không có quyền lực chính trị, bị nhà nước phong kiến kìm hãm. Nhân dân lao động (chủ yếu là nông dân, thợ thủ công, công nhân) bị áp bức, bóc lột nặng nề.

Mâu thuẫn giữa chế độ phong kiến với giai cấp tư sản và các tầng lớp nhân dân ngày càng gay gắt; đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn tới các cuộc đấu tranh.

- Hãy nêu những biểu hiện mới về kinh tế, xã hội ở Tây Âu trong các thế kỉ XV - XVII.

2. Cách mạng Hà Lan thế kỉ XVI

Vào đầu thế kỉ XVI, vùng đất Nê-đéc-lan (thuộc hai nước Hà Lan và Bỉ hiện nay) có nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển nhất ở Tây Âu, song sự thống trị của Vương quốc Tây Ban Nha đã ngăn cản sự phát triển này. Nhân dân Nê-đéc-lan nhiều lần nổi dậy chống sự đô hộ của Vương quốc Tây Ban Nha, mạnh mẽ nhất là cuộc đấu tranh tháng 8 - 1566. Cuộc đấu tranh bị đàn áp đẫm máu. Đến năm 1581, các tỉnh miền Bắc Nê-đéc-lan thành lập nước cộng hoà với tên gọi chính thức là Các tỉnh liên hiệp (về sau gọi là Hà Lan). Cuộc chiến tranh còn tiếp diễn, mãi đến năm 1648 nền độc lập của Hà Lan mới được chính thức công nhận. Hà Lan được giải phóng, tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản ở nước này phát triển.

Cách mạng Hà Lan thế kỉ XVI được xem là *cuộc cách mạng tư sản đầu tiên* trên thế giới.

- Trình bày diễn biến và kết quả của Cách mạng Hà Lan.

II - CÁCH MẠNG TƯ SẢN ANH THẾ KỈ XVII

1. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Anh

Trong sự phát triển chung của châu Âu, quan hệ tư bản chủ nghĩa ở Anh lớn mạnh hơn cả, trước hết là ở miền Đông - Nam. Nhiều công trường thủ công : luyện kim, cơ khí, làm đồ sứ, dệt len dạ... ra đời, phục vụ cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu sang Hà Lan, Pháp, Đức, I-ta-li-a...

Nhiều trung tâm lớn về công nghiệp, thương mại, tài chính được hình thành, tiêu biểu là Luân Đôn.

Những phát minh mới về kĩ thuật, các hình thức tổ chức lao động hợp lí làm cho năng suất lao động tăng nhanh.

Từ năm 1551 đến năm 1651, số lượng than được khai thác tăng 14 lần. Vào đầu thế kỉ XVII, ở Anh có 800 lò nấu sắt, mỗi tuần sản xuất 3 - 4 tấn. Một số xưởng dệt len dạ thuê hàng nghìn công nhân. Nhiều công ti thương mại hoạt động mạnh ở nhiều nước, nổi tiếng nhất là Công ti Đông Ấn Độ.

Số đông địa chủ là quý tộc vừa và nhỏ chuyển sang kinh doanh theo lối tư bản. Họ đuổi tá điền, rào đất, biến ruộng thành đồng cỏ, thuê nhân công nuôi cừu, lấy lông cừu cung cấp cho thị trường. Họ trở thành tầng lớp *quý tộc mới*, có thế lực lớn về kinh tế. Nông dân trở nên nghèo khổ, kéo ra thành thị làm thuê, hay di cư ra nước ngoài.

Sự thay đổi về kinh tế, những mâu thuẫn gay gắt giữa tư sản, quý tộc mới với chế độ quân chủ chuyên chế (bên cạnh mâu thuẫn cũ giữa nông dân với địa chủ, quý tộc) dẫn tới cuộc cách mạng lật đổ chế độ phong kiến, xác lập quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

- *Trình bày sự phát triển chủ nghĩa tư bản ở Anh và những hệ quả của nó.*

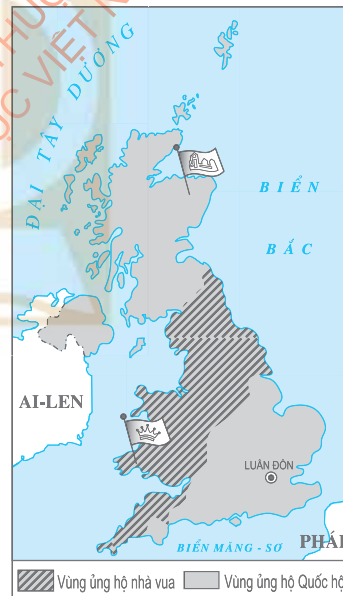
2. Tiến trình cách mạng

a) Giai đoạn 1 (1642 - 1648)

Năm 1640, Quốc hội (được thành lập từ thế kỉ XIII) - gồm phần lớn là quý tộc mới, được triệu tập. Các đại biểu đã tố cáo chính sách cai trị độc đoán của vua Sác-lơ I và đề ra một số yêu cầu : vua không được tự tiện đặt thuế mới, không được bắt người mà không đưa ra toà án xét xử.

Nhân dân ủng hộ Quốc hội, lên án nhà vua. Sác-lơ I chạy lên phía bắc Luân Đôn, chuẩn bị lực lượng chống lại Quốc hội và nhân dân.

Tháng 8 - 1642, cuộc nội chiến bùng nổ. Quân đội của Quốc hội, do Ô-li-vơ Crôm-oen (1599 - 1658) chỉ huy, đánh bại quân đội nhà vua. Giai đoạn 1 của cuộc nội chiến chấm dứt vào năm 1648.



Hình 1. Lược đồ cuộc nội chiến ở Anh

b) Giai đoạn 2 (1649 - 1688)

Trước sức ép của quân đội và nhân dân, Crôm-oen đưa vua ra xét xử. Ngày 30 - 1 - 1649, Sác-lơ I bị xử tử trước sự chứng kiến của đông đảo quần chúng. Nước Anh trở thành nước cộng hoà. Mọi quyền hành thuộc về quý tộc mới và tư sản. Nông dân, binh lính không được hưởng một chút quyền lợi gì. Vì vậy, họ tiếp tục nổi dậy đấu tranh. Crôm-oen thiết lập chế độ độc tài quân sự.

Sự bất mãn của quần chúng ngày càng tăng. Vì vậy, quý tộc mới và tư sản khôi phục lại chế độ quân chủ nhưng vẫn giữ những thành quả của cách mạng. Tháng 12 - 1688, Quốc hội tiến hành một cuộc đảo chính, phế truất vua Giêm II (lên ngôi năm 1685) và đưa Vin-hem O-ran-giơ (Quốc trưởng Hà Lan, con rể Giêm II) lên làm vua. Chế độ quân chủ lập hiến ra đời. Nhà vua không nắm thực quyền, mọi quyền lực quốc gia thuộc về tư sản và quý tộc mới.



Hình 2. Xử tử Sác-lơ I

- *Trình bày những nét chính về cuộc nội chiến ở Anh.*
- *Vì sao chế độ cộng hoà ở Anh lại được thay bằng chế độ quân chủ lập hiến ?*

3. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII

Cuộc Cách mạng tư sản Anh đã thành công, chủ yếu vì được quần chúng ủng hộ và tham gia đấu tranh. Cách mạng mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh mẽ hơn, đem lại thắng lợi cho giai cấp tư sản và quý tộc mới. Nhưng quyền lợi của nhân dân lao động lại không được đáp ứng.

Về ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII, Các Mác viết :
"Thắng lợi của giai cấp tư sản có nghĩa là thắng lợi của chế độ xã hội mới, thắng lợi của chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa đối với chế độ phong kiến".

- *Em hiểu như thế nào về câu nói trên của Mác ?*
- *Nêu kết quả của Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII.*

III - CHIẾN TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP CỦA CÁC THUỘC ĐỊA ANH Ở BẮC MĨ

1. Tình hình các thuộc địa. Nguyên nhân của chiến tranh

Sau khi Cô-lôm-bô tìm ra châu Mỹ, nhiều nước châu Âu lần lượt chiếm và chia nhau châu lục mới này làm thuộc địa. Từ đầu thế kỉ XVII đến đầu thế kỉ XVIII, thực dân Anh đã thành lập 13 thuộc địa của mình ở Bắc Mỹ.



Hình 3. Lược đồ 13 thuộc địa của Anh ở Bắc Mỹ

Đây là vùng đất phì nhiêu, giàu tài nguyên, quê hương lâu đời của người In-di-an (thổ dân da đỏ). Trong hai thế kỉ XVII - XVIII, thực dân Anh đã tiêu diệt hoặc dồn người In-di-an vào vùng đất phía tây xa xôi. Họ bắt người da đen ở châu Phi đưa sang làm nô lệ để khai khẩn đất hoang, lập đồn điền.

- **Nêu một vài nét về sự xâm nhập và thành lập các thuộc địa của thực dân Anh ở Bắc Mỹ.**

Kinh tế ở 13 thuộc địa này sớm phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Thực dân Anh tìm mọi cách ngăn cản sự phát triển công, thương nghiệp của các thuộc địa ở Bắc Mĩ (cướp đoạt tài nguyên, thuế má nặng nề, độc quyền buôn bán trong và ngoài nước). Cư dân ở các thuộc địa Bắc Mĩ, gồm phần lớn là con cháu người Anh di cư sang, mâu thuẫn gay gắt với chính quốc. Các tầng lớp nhân dân thuộc địa, bao gồm tư sản, chủ đồn điền, công nhân, nô lệ đều đấu tranh chống ách thống trị của thực dân Anh.

- Vì sao nhân dân các thuộc địa ở Bắc Mĩ đấu tranh chống thực dân Anh ?

2. Diễn biến cuộc chiến tranh

Tháng 12 - 1773, nhân dân cảng Bô-xtôn tấn công ba tàu chở chè của Anh và ném các thùng chè xuống biển để phản đối chế độ thuế của thực dân Anh ở các thuộc địa Bắc Mĩ.

Từ 5 - 9 đến 26 - 10 - 1774, đại biểu các thuộc địa Bắc Mĩ đã họp Hội nghị lục địa ở Phi-la-đen-phi-a, đòi vua Anh xoá bỏ các luật cấm vô lí. Nhà vua không chấp nhận.

Tháng 4 - 1775, chiến tranh bùng nổ giữa chính quốc và các thuộc địa Bắc Mĩ, Nghĩa quân do Gioóc-giơ Oa-sinh-tơn chỉ huy.

G. Oa-sinh-tơn là một chủ nô giàu, có tài quân sự và tổ chức, được cử làm Tổng chỉ huy nghĩa quân.



Hình 4. G. Oa-sinh-tơn
(1732 - 1799)

Ngày 4 - 7 - 1776, **Tuyên ngôn Độc lập** được công bố, xác định quyền của con người và quyền độc lập của các thuộc địa.

Tuyên ngôn đã khẳng định : Mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hoá ban cho họ những quyền không thể tước bỏ. Trong số những quyền ấy có quyền được sống, quyền được tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.

- Theo em, tính chất tiến bộ của "Tuyên ngôn Độc lập" của Mĩ thể hiện ở những điểm nào ?

Chiến tranh vẫn tiếp diễn. Do số lượng ít, trang bị nghèo nàn nên lúc đầu quân khởi nghĩa đã thất bại ở một số nơi. Tuy nhiên, nghĩa quân vẫn giữ được lực lượng và đánh thắng các đợt tấn công lớn của quân Anh.

Ngày 17 - 10 - 1777, quân khởi nghĩa thắng một trận lớn ở Xa-ra-tô-ga.

5000 quân Anh bị bắt làm tù binh, viên tướng chỉ huy phải đầu hàng. Chiến thắng của quân khởi nghĩa làm suy sụp tinh thần quân Anh, củng cố lòng tin vào thắng lợi của nhân dân các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ. Tiếp đó, nghĩa quân thắng nhiều trận khác, buộc Anh phải kí Hiệp ước Véc-xai 1783.

- Cuộc Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ diễn ra như thế nào ?

3. Kết quả và ý nghĩa cuộc Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ

Theo Hiệp ước Véc-xai 1783, Anh thừa nhận nền độc lập của các thuộc địa Bắc Mĩ. Chiến tranh kết thúc thắng lợi với sự ra đời một quốc gia mới - Hợp chúng quốc Mĩ (viết tắt theo tiếng Anh là USA, thường gọi là nước Mĩ hay Hoa Kì).

Năm 1787, Hiến pháp được ban hành. Theo Hiến pháp, Mĩ là nước cộng hoà liên bang. Chính quyền trung ương được tăng cường, nhưng các bang được quyền tự trị rộng rãi. Tổng thống nắm quyền hành pháp. Quốc hội gồm hai viện - Thượng viện và Hạ viện, nắm quyền lập pháp. Quyền dân chủ bị hạn chế.

Chỉ những người da trắng có tài sản, đóng thuế theo quy định mới có quyền ứng cử, bầu cử. Phụ nữ không có quyền bầu cử. Những người nô lệ da đen và người In-di-an không có quyền chính trị.

- Những điểm nào thể hiện sự hạn chế của Hiến pháp 1787 của Mĩ ?

Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ đã giải phóng nhân dân Bắc Mĩ khỏi ách đô hộ của chủ nghĩa thực dân, làm cho nền kinh tế tư bản Mĩ phát triển. Do đó, cuộc chiến tranh giành độc lập này đồng thời cũng là một cuộc cách mạng tư sản, có ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh giành độc lập của nhiều nước vào cuối thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX.

- Những kết quả lớn của Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ là gì ?

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Lập niên biểu về Cách mạng tư sản Anh và Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ.
2. Nêu ý nghĩa lịch sử của các cuộc cách mạng tư sản đầu tiên.

Bài 2

CÁCH MẠNG TƯ SẢN PHÁP CUỐI THẾ KỈ XVIII

Cách mạng Pháp cuối thế kỉ XVIII có những điểm giống và khác với các cuộc cách mạng tư sản đầu tiên, có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển của lịch sử.

I - NƯỚC PHÁP TRƯỚC CÁCH MẠNG

1. Tình hình kinh tế

Về nông nghiệp, công cụ và phương thức canh tác vẫn thô sơ, lạc hậu, chủ yếu dùng cày và cuốc nên năng suất thấp. Ruộng đất bị bỏ hoang nhiều. Nạn mất mùa, đói kém thường xảy ra.

Công, thương nghiệp đã phát triển, máy móc được sử dụng trong sản xuất. Nhiều trung tâm dệt, luyện kim ra đời. Các hải cảng lớn như Mác-xây, Boóc-đô... tập nập tàu buôn ra vào, chợ hàng xuất khẩu (rượu vang, vải vóc, quần áo, đồ thủy tinh...) đến nhiều nước và nhập máy móc, đường, cà phê từ Anh, châu Mỹ. Nhưng chế độ phong kiến chuyên chế đã cản trở sự phát triển của công, thương nghiệp : thuế má nặng, không có đơn vị tiền tệ và đo lường thống nhất, sức mua của dân nghèo rất hạn chế.

2. Tình hình chính trị - xã hội

Trước cách mạng, Pháp là một nước quân chủ chuyên chế. Nhà vua nắm mọi quyền hành.

Xã hội phong kiến Pháp phân thành ba đẳng cấp : Tầng lữ, Quý tộc và Đẳng cấp thứ ba.

Đẳng cấp Quý tộc nắm giữ những chức vụ cao trong bộ máy hành chính, quân đội. Tầng lữ và Quý tộc là những đẳng cấp được hưởng mọi đặc quyền kinh tế, nhưng không phải đóng thuế cho nhà vua.



Hình 5. Tình cảnh nông dân Pháp trước cách mạng

Đẳng cấp thứ ba gồm nhiều giai cấp và tầng lớp : tư sản, nông dân, bình dân thành thị. Họ không có quyền lợi chính trị. Nông dân chiếm 90% dân số (khoảng 24 triệu người), là giai cấp nghèo khổ nhất vì không có ruộng đất, bị nhiều tầng lớp áp bức bóc lột. Tư sản đứng đầu Đẳng cấp thứ ba, có thể lực kinh tế, song không có quyền lực chính trị.

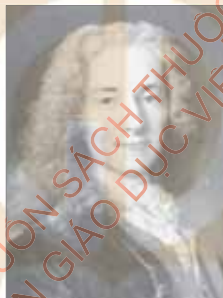
- *Xã hội Pháp trước cách mạng phân ra những đẳng cấp nào ?*
- *Quan sát hình 5, hãy miêu tả tình cảnh người nông dân trong xã hội Pháp thời bấy giờ.*

3. Đấu tranh trên mặt trận tư tưởng

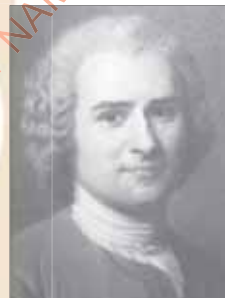
Chế độ quân chủ chuyên chế cũng bị tố cáo, phê phán gay gắt trong lĩnh vực văn hoá, tư tưởng. Tiêu biểu cho cuộc đấu tranh này là những nhà tư tưởng kiệt xuất của giai cấp tư sản trong trào lưu triết học Ánh sáng như Sác-lơ Mông-te-xki-ơ, Vôn-te⁽¹⁾, Giăng Giắc Rút-xô.



Hình 6. S. Mông-te-xki-ơ
(1689 - 1755)



Hình 7. Vôn-te
(1694 - 1778)



Hình 8. G.G. Rút-xô
(1712 - 1778)

“Tự do về chính trị của công dân thể hiện ở chỗ : công dân đó không phải lo sợ, ngược lại luôn cảm thấy an toàn. Để có tự do chính trị, chính phủ phải được tổ chức để không ai có thể đe dọa người khác”.

(Tinh thần luật pháp)

“Hãy đập tan toà nhà của sự dối trá !”.

“Xéo nát bọn đê tiện”.

(Những lá thư triết học)

“Mọi người sinh ra tự do, nhưng ở khắp nơi họ đều mang xiềng xích... Tự do là quyền tự nhiên của con người”.

(Khế ước xã hội)

- *Dựa vào những đoạn trích ngắn trên, em hãy nêu một vài điểm chủ yếu trong tư tưởng của Mông-te-xki-ơ, Vôn-te, Rút-xô.*

(1) Tên thật là Phrăng-xoa Ma-ri A-ru-ê.

II - CÁCH MẠNG BÌNH NỔ

1. Sự khủng hoảng của chế độ quân chủ chuyên chế

Vua Lu-i XVI lên ngôi năm 1774, chế độ phong kiến ngày càng suy yếu. Do số nợ Nhà nước vay của tư sản không thể trả được (đến năm 1789 lên tới 5 tỉ livrơ⁽¹⁾) nên nhà vua phải thu nhiều thuế. Công, thương nghiệp đình đốn làm nhiều công nhân và thợ thủ công thất nghiệp.

Tình hình này đã thôi thúc nhân dân đấu tranh mạnh mẽ chống chế độ phong kiến. Năm 1788, nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra khắp nơi, riêng mùa xuân năm 1789 đã có hàng trăm cuộc nổi dậy của nông dân và binh dân thành thị.

- Sự khủng hoảng của chế độ quân chủ chuyên chế thể hiện ở những điểm nào?
- Vì sao cách mạng nổ ra?

2. Mở đầu thắng lợi của cách mạng

Hội nghị ba đẳng cấp do nhà vua triệu tập khai mạc ngày 5 - 5 - 1789 tại Cung điện Véc-xai, với sự tham dự của các đại biểu thuộc ba đẳng cấp.

Hội nghị diễn ra căng thẳng vì đại biểu Quý tộc và Tăng lữ ủng hộ nhà vua tăng thuế, còn đại biểu Đẳng cấp thứ ba kịch liệt phản đối chủ trương này.

Ngày 17 - 6, các đại biểu Đẳng cấp thứ ba tự họp thành Hội đồng dân tộc, sau đó tuyên bố là Quốc hội lập hiến, có quyền soạn thảo Hiến pháp, thông qua các đạo luật về tài chính. Nhà vua và quý tộc dùng quân đội để uy hiếp Quốc hội.

Quần chúng lao động và những người tư sản cách mạng tự vũ trang chống lại nhà vua. Phần lớn binh lính cũng đứng về phía nhân dân.

Ngày 14 - 7, quần chúng được vũ trang kéo đến tấn công chiếm pháo đài - nhà tù Ba-xi; sau đó lần lượt làm chủ hầu hết các cơ quan và vị trí quan trọng trong thành phố.

Cuộc tấn công pháo đài - nhà tù Ba-xi đã mở đầu cho thắng lợi của Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII.

(1) Đồng tiền Pháp lúc đó.

Hình 9.
Tấn công
pháo đài -
nhà tù Ba-xi



- Những nguyên nhân nào dẫn tới Cách mạng tư sản Pháp ?
- Các nhà tư tưởng tiến bộ Pháp vào thế kỉ XVIII đã đóng góp gì trong việc chuẩn bị cho cuộc cách mạng ?
- Cách mạng tư sản Pháp 1789 bắt đầu như thế nào ?

III - SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁCH MẠNG

1. Chế độ quân chủ lập hiến (từ ngày 14 - 7 - 1789 đến ngày 10 - 8 - 1792)

Cách mạng thắng lợi ở Pa-ri và nhanh chóng lan rộng khắp nước. Phái Lập hiến của tầng lớp đại tư sản lên cầm quyền, nhưng Lu-i XVI vẫn được giữ ngôi vua, mặc dù không có quyền hành gì.

Cuối tháng 8 - 1789, Quốc hội thông qua *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền*, nội khẩu hiệu nổi tiếng : “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”.

Nội dung Tuyên ngôn có một số điều sau :

Điều 1 : Mọi người sinh ra đều có quyền sống tự do và bình đẳng...

Điều 2 : ... (được hưởng) quyền tự do, quyền sở hữu, quyền được an toàn và quyền chống áp bức.

Điều 17 : Quyền sở hữu là quyền bất khả xâm phạm và thiêng liêng, không ai có thể tước bỏ.

- Qua những điều trên, em có nhận xét gì về “*Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền*” ?

Tháng 9 - 1791, Hiến pháp được thông qua, xác lập chế độ quân chủ lập hiến : nhà vua không nắm thực quyền, mọi quyền lực thuộc về Quốc hội. Tuy vậy, nhà vua đã liên kết với lực lượng phản động trong nước và cầu cứu các nước phong kiến châu Âu mang quân can thiệp để chống phá cách mạng.

Tháng 4 - 1792, hai nước Áo, Phổ liên minh với nhau, cùng bọn phản động trong nước Pháp chống lại cách mạng. Tháng 8 - 1792, 80 vạn quân Phổ tràn vào nước Pháp.

Trước tình hình “Tổ quốc lâm nguy”, ngày 10 - 8 - 1792, nhân dân Pa-ri cùng quân tình nguyện các địa phương đứng lên lật đổ sự thống trị của phái Lập hiến, đồng thời xoá bỏ chế độ phong kiến.

- Nhân dân Pháp đã hành động như thế nào khi “Tổ quốc lâm nguy”? Kết quả ra sao ?

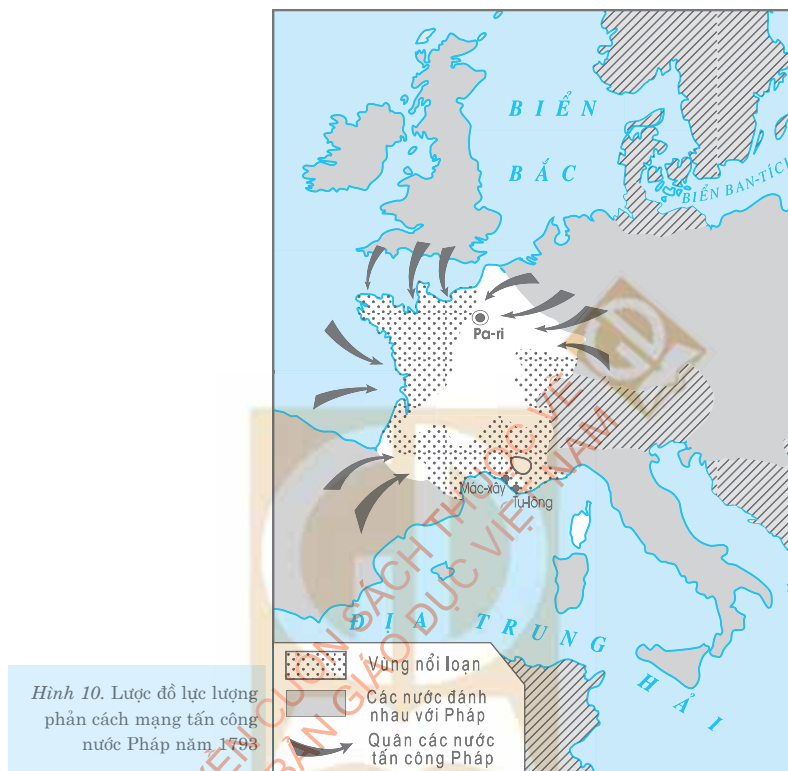
2. Bước đầu của nền cộng hoà (từ ngày 21 - 9 - 1792 đến ngày 2 - 6 - 1793)

Sau cuộc khởi nghĩa của nhân dân lật đổ phái Lập hiến, chính quyền lại chuyển sang tay tư sản công thương nghiệp, được gọi là phái Gi-rông-đanh.

Một Quốc hội mới được bầu ra (nam giới từ 21 tuổi được quyền bầu cử, không hạn chế theo mức thuế). Ngày 21 - 9 - 1792, nền cộng hoà đầu tiên của nước Pháp được thành lập. Ngày 21 - 1 - 1793, vua Lu-i XVI bị đưa lên máy chém vì tội phản quốc.

Trừ được bọn phản động trong nước, nhân dân và quân đội cách mạng dốc sức chống ngoại xâm. Ngày 20 - 9 - 1792, quân Pháp đánh thắng quân xâm lược Áo - Phổ một trận lớn ở cao điểm Van-mi (thuộc Đông Bắc Pháp, gần biên giới Bỉ). Sau đó, quân Pháp chuyển sang phản công, đuổi địch ra khỏi đất nước; trên đường truy kích chiếm luôn Bỉ và vùng tả ngạn sông Ranh.

Mùa xuân 1793, quân Anh cùng quân các nước phong kiến châu Âu tấn công nước Pháp cách mạng. Trong nước, bọn phản động lại nổi loạn ở vùng Văng-đê và cả miền Tây Bắc. Nạn đói cơ tích trữ hoành hành. Giá cả tăng vọt. Đời sống nhân dân rất khốn khổ. Trong khi đó, phái Gi-rông-đanh không lo tổ chức chống ngoại xâm, nội phản và ổn định cuộc sống nhân dân mà chỉ lo củng cố quyền lực.



Trước tình hình ấy, ngày 2 - 6 - 1793, nhân dân Pa-ri, dưới sự lãnh đạo của Rô-be-spie, đã khởi nghĩa thắng lợi, lật đổ phái Gi-rông-đanh.

- Trình bày diễn biến chiến sự trên đất Pháp vào những năm 1792 - 1793.
- Vì sao nhân dân Pa-ri phải lật đổ phái Gi-rông-đanh ?

3. Chuyển chính dân chủ cách mạng Gia-cô-banh (từ ngày 2 - 6 - 1793 đến ngày 27 - 7 - 1794)

Sau khi phái Gi-rông-đanh bị lật đổ, chính quyền cách mạng thuộc về phái Gia-cô-banh, gồm những người dân chủ cách mạng được quần chúng ủng hộ. Quốc hội do phái Gia-cô-banh chiếm đa số, cử ra Ủy ban cứu nước, đứng đầu là Rô-be-spie.



Hình 11. M. Rô-be-spie
(1758 - 1794)

Ma-xi-mi-liêng đơ Rô-be-spie là một luật sư trẻ tuổi, đại biểu Quốc hội, có tài hùng biện. Trong Quốc hội, ông tích cực bảo vệ quyền lợi của nhân dân. Rô-be-spie trở thành lãnh tụ xuất sắc của phái Gia-cô-banh và nổi tiếng là "Con người không thể bị mua chuộc."

- Nêu một vài phẩm chất tốt đẹp của Rô-be-spie.

Chính quyền cách mạng thi hành nhiều biện pháp kiên quyết để trừng trị bọn phản cách mạng và giải quyết những yêu cầu của nhân dân. Đất công xã mà quý tộc phong kiến chiếm đoạt, được lấy chia cho nông dân. Ruộng đất tịch thu của Giáo hội và quý tộc trốn ra nước ngoài được chia thành những khoảnh nhỏ bán cho nông dân. Ủy ban cứu nước còn trưng thu lúa mì, quy định giá bán tối đa các mặt hàng thiết yếu cho dân nghèo, đồng thời cũng quy định mức lương tối đa của công nhân.

Quần chúng phấn khởi, hưởng ứng lệnh tổng động viên. Quân đội cách mạng được tổ chức và trang bị tốt, lại có tinh thần chiến đấu cao. Liên minh chống Pháp bị đánh bại và bắt đầu tan rã từ ngày 26 - 6 - 1794.

- Em có nhận xét gì về các biện pháp của chính quyền Gia-cô-banh ?

Sau khi chiến thắng ngoại xâm và nội phản, nội bộ phái Gia-cô-banh bị chia rẽ. Nhân dân cũng không ủng hộ chính quyền nữa vì quyền lợi không được đảm bảo như giới cầm quyền Gia-cô-banh đã hứa.

Ngày 27 - 7 - 1794, tư sản phản cách mạng tiến hành cuộc đảo chính. Rô-be-spie và các bạn chiến đấu của ông bị bắt và bị xử tử.

Thời kì chuyên chính Gia-cô-banh chấm dứt.

- Vì sao sau năm 1794, Cách mạng tư sản Pháp không thể tiếp tục phát triển ?

4. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII

Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII đã lật đổ chế độ phong kiến, đưa giai cấp tư sản lên cầm quyền, xoá bỏ nhiều trở ngại trên con đường phát triển của chủ nghĩa tư bản. Quân chúng nhân dân là lực lượng chủ yếu đưa cách mạng đạt tới đỉnh cao - nền chuyên chính dân chủ Gia-cô-banh.

Tuy nhiên, Cách mạng tư sản Pháp cũng có những hạn chế : chưa đáp ứng đầy đủ quyền lợi cơ bản của nhân dân, như không giải quyết được triệt để vấn đề ruộng đất cho nông dân, không hoàn toàn xoá bỏ chế độ bóc lột phong kiến...

"Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mĩ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hoà và dân chủ, kì thực trong thì nó tước lộc (tức tước đoạt) công nông, ngoài thì áp bức thuộc địa".

(Hồ Chí Minh)

- Dựa vào đoạn trích trên, em hãy nhận xét về các cuộc cách mạng Mĩ và Pháp trong thế kỉ XVIII.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Lập niên biểu những sự kiện chính của Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII.
2. Vai trò của nhân dân trong Cách mạng tư sản Pháp được thể hiện ở những điểm nào ?
3. Nêu những sự kiện chủ yếu qua các giai đoạn để chứng tỏ sự phát triển của Cách mạng tư sản Pháp.
4. Trình bày và phân tích ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII.

Bài 3

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐƯỢC XÁC LẬP TRÊN PHẠM VI THẾ GIỚI

Cách mạng công nghiệp khởi đầu ở Anh và lan nhanh ra các nước tư bản khác. Đồng thời, cách mạng tư sản tiếp tục thành công ở nhiều nước với những hình thức khác nhau, đánh dấu sự thắng lợi của chủ nghĩa tư bản trên phạm vi thế giới.

I - CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP

1. Cách mạng công nghiệp ở Anh

Từ những năm 60 của thế kỉ XVIII, máy móc được phát minh và sử dụng trong sản xuất đầu tiên ở Anh, trước hết ở ngành dệt, với sự ra đời của máy kéo sợi Gien-ni.



Hình 12. Chủ bao mua và những người thợ kéo sợi

Thời bấy giờ, hàng dệt của Anh bán chạy làm cho nghề dệt rất phát đạt, mặc dù có sự mất cân đối giữa khâu kéo sợi và dệt vải - cứ 10 người kéo sợi mới đủ sợi cho một thợ dệt. Để khắc phục tình trạng "đói sợi", năm 1764 Giêm Ha-gri-vơ sáng chế ra máy kéo sợi và lấy tên con gái mình đặt cho máy, gọi là máy Gien-ni. Máy xe được 16 sợi bông một lúc, năng suất tăng 8 lần.

- Quan sát hình 12 và 13, em hãy cho biết việc kéo sợi đã thay đổi như thế nào ?
- Theo em, điều gì xảy ra trong ngành dệt của nước Anh khi máy kéo sợi Gien-ni được sử dụng rộng rãi ?



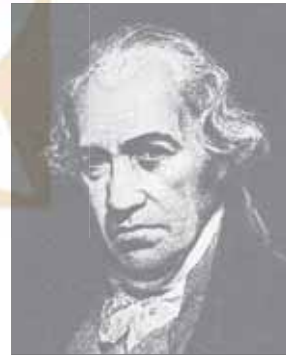
Hình 13. Máy kéo sợi Gien-ni

Năm 1769, Ác-crai-tơ phát minh ra máy kéo sợi chạy bằng sức nước. Năm 1785, Êt-mơn Các-rai chế tạo ra máy dệt đầu tiên ở Anh, làm cho năng suất dệt tăng gần 40 lần so với dệt bằng tay. Về sau, máy dệt cũng chạy bằng sức nước.

Do máy dệt chạy bằng sức nước nên các nhà máy phải đặt gần những khúc sông chảy xiết. Về mùa đông, máy phải ngừng hoạt động vì nước đóng băng.

Năm 1784, Giêm Oát hoàn thành việc phát minh ra máy hơi nước. Từ đó, các nhà máy có thể xây dựng ở bất cứ nơi nào thuận tiện.

Lúc đầu máy móc mới được sử dụng trong ngành dệt vải, về sau được đưa dần vào các ngành kinh tế khác. Nhu cầu vận chuyển nguyên vật liệu đến nhà máy và đưa hàng hoá đi các nơi ngày một tăng. Từ đó, máy móc được sử dụng trong giao thông vận tải. Đầu thế kỉ XIX, tàu thuỷ chạy bằng máy hơi nước thay thế dần thuyền buồm ; xe lửa và đường sắt bắt đầu phục vụ đời sống xã hội.



Hình 14. G. Oát
(1736 - 1819)

Năm 1825, đoạn đường sắt đầu tiên ở nước Anh được khánh thành. Năm 1830, cả nước Anh chỉ có 108 km đường sắt, đến năm 1850 - tăng lên 10 000 km.



Hình 15. Xe lửa Xti-phen-xơn

Máy móc và đường sắt phát triển đòi hỏi công nghiệp nặng phát triển. Năm 1850, Anh sản xuất được một nửa số gang, thép và than đá của thế giới.

- Vì sao vào giữa thế kỉ XIX, Anh đẩy mạnh sản xuất gang, thép và than đá ?

Như vậy, từ năm 1760 đến năm 1840, ở Anh diễn ra quá trình chuyển biến từ sản xuất nhỏ thủ công sang sản xuất lớn bằng máy móc. Đây là cuộc cách mạng công nghiệp hay công nghiệp hoá việc sản xuất. Cách mạng công nghiệp đã làm cho sản xuất phát triển nhanh chóng, của cải ngày càng dồi dào. Công nghiệp hoá diễn ra đầu tiên ở Anh, sớm hơn các nước khác khoảng 60 đến 100 năm và trở nên phổ biến ở các nước tư bản chủ nghĩa. Anh từ một nước nông nghiệp trở thành nước công nghiệp phát triển nhất thế giới. Thời bấy giờ, nước Anh được gọi là “công xưởng của thế giới”.

- Nêu kết quả của cách mạng công nghiệp ở Anh.

2. Cách mạng công nghiệp ở Pháp, Đức

Ở Pháp, cách mạng công nghiệp bắt đầu từ năm 1830. Trong 20 năm (1830 - 1850), các ngành sản xuất của Pháp tăng lên nhiều.

Sản lượng gang, sắt tăng 3 lần, độ dài đường sắt tăng 100 lần (từ 30 km lên đến 3000 km). Giữa thế kỉ XIX, Pháp có trên 5000 máy hơi nước, đến năm 1870 - khoảng 27 000 chiếc.

Nước Pháp hoàn thành cách mạng công nghiệp, kinh tế phát triển, đứng thứ hai sau Anh, hơn hẳn các nước khác trên lục địa châu Âu.

Ở Đức, tuy đất nước chưa thống nhất nhưng cách mạng công nghiệp vẫn diễn ra vào những năm 40 của thế kỉ XIX. Trong những năm 1850 - 1860, kinh tế phát triển với tốc độ nhanh và đạt được nhiều kết quả.

Sản lượng than, sắt, thép và độ dài đường sắt tăng từ 2 đến 3 lần, số máy hơi nước tăng 6 lần. Nhờ tiếp thu những thành tựu khoa học - kĩ thuật mới, công nghiệp hoá chất, công nghiệp luyện kim phát triển và có vai trò chủ đạo trong nền kinh tế Đức.



Hình 16. Máy móc trong nông nghiệp

Máy móc cũng được sử dụng trong nông nghiệp. Trên đồng ruộng của các nước tiến hành cách mạng công nghiệp đã xuất hiện máy cày, máy bừa, máy gặt đập. Đồng thời, phân bón hoá học được sử dụng rộng rãi, làm tăng năng suất cây trồng.

- Sự phát triển của cách mạng công nghiệp ở Pháp, Đức được thể hiện ở những mặt nào ?

3. Hệ quả của cách mạng công nghiệp

Cách mạng công nghiệp đã làm thay đổi bộ mặt của các nước tư bản : nhờ phát minh máy móc, nhiều khu công nghiệp lớn, nhiều thành phố mọc lên, thu hút đông người từ nông thôn đến tìm việc làm.



- Quan sát hai lược đồ trên, em hãy nêu những biến đổi ở nước Anh sau khi hoàn thành cách mạng công nghiệp.

Về mặt xã hội, hệ quả quan trọng nhất của cách mạng công nghiệp là hình thành hai giai cấp cơ bản của xã hội tư bản : giai cấp tư sản và giai cấp vô sản.

Do nắm được kinh tế, giai cấp tư sản thống trị xã hội. Giai cấp vô sản là những người lao động làm thuê, bị áp bức, bóc lột. Ngay từ đầu họ đã đứng lên đấu tranh chống lại ách áp bức, bóc lột của giai cấp tư sản với các hình thức : đập phá máy móc, nêu yêu cầu về quyền lợi, khởi nghĩa vũ trang.

II - CHỦ NGHĨA TƯ BẢN XÁC LẬP TRÊN PHẠM VI THẾ GIỚI

1. Các cuộc cách mạng tư sản thế kỉ XIX

Sang thế kỉ XIX, do sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế tư bản chủ nghĩa, phong trào dân tộc dân chủ ở các nước châu Âu và châu Mĩ ngày càng dâng cao, tấn công mạnh mẽ vào thành trì của chế độ phong kiến.

Do tác động của Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mĩ và Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII, nhân lúc thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha đang suy yếu, các thuộc địa của hai nước này ở khu vực Mĩ La-tinh đã nổi dậy đấu tranh giành độc lập, dẫn đến sự ra đời của một loạt quốc gia tư sản mới.

- Quan sát lược đồ, lập bảng thống kê các quốc gia tư sản ở khu vực Mĩ La-tinh theo thứ tự niên đại thành lập.



Hình 19. Lược đồ khu vực Mĩ La-tinh đầu thế kỉ XIX



Hình 20. Lược đồ cách mạng 1848 - 1849 ở châu Âu

Ở châu Âu, tháng 7 - 1830 phong trào cách mạng tư sản lại nổ ra ở Pháp, lật đổ nền thống trị của triều đại Bốc-bông (từng bị lật đổ trong cách mạng 1789, được phục hồi từ năm 1815). Sau đó, cách mạng lan nhanh sang các nước Bỉ, Đức, I-ta-li-a, Ba Lan, Hi Lạp ...

Trong những năm 1848 - 1849, cách mạng tư sản diễn ra sôi nổi ở nhiều nước châu Âu. Những cuộc cách mạng này đã củng cố sự thắng lợi của chủ nghĩa tư bản ở Pháp, làm rung chuyển chế độ phong kiến ở Đức, I-ta-li-a và đế quốc Áo - Hung.

Ở Đức, I-ta-li-a, nhiệm vụ của cách mạng là thống nhất đất nước, mở đường cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển. Các dân tộc trong đế quốc Áo - Hung như Hung-ga-ri, Séc, Slô-va-ki-a, Ru-ma-ni, Ba Lan, các dân tộc trên bán đảo Ban-căng..... đấu tranh đòi giải quyết vấn đề dân tộc, thành lập các quốc gia độc lập.



Hình 21. Khởi nghĩa tháng 2 - 1848 ở Pa-ri

Mười năm sau cách mạng 1848 - 1849, cơn bão táp cách mạng mới lại bùng lên ở châu Âu.

Từ năm 1859 đến năm 1870, dưới sự lãnh đạo của tư sản mà đại diện là Ca-vua - một quý tộc tư sản hoá, 7 quốc gia ở bán đảo I-ta-li-a đã thống nhất thành Vương quốc I-ta-li-a. Trong sự nghiệp thống nhất này, quần chúng nhân dân, dưới sự lãnh đạo của người anh hùng dân tộc Ga-ri-ban-đi, đã đóng vai trò quan trọng.



Hình 22. Đoàn quân Ga-ri-ban-đi tiến vào Pa-léc-mô ngày 27-5-1860

Cùng thời gian đó, từ năm 1864 đến đầu năm 1871, nước Đức được thống nhất từ 38 quốc gia lớn nhỏ bằng các cuộc chiến tranh chinh phục dưới sự lãnh đạo của quý tộc quân phiệt Phổ, đứng đầu là Thủ tướng Bi-xmác.



Hình 23. Lễ tuyên bố thống nhất Đức tháng 1 - 1871
tại Cung điện Véc-xai

Ở Nga, dưới áp lực các cuộc bạo động của nông nô, diễn ra dồn dập trong những năm 1858 - 1860, tháng 2 - 1861 Nga hoàng ban bố “Sắc lệnh giải phóng nông nô”. Cuộc cải cách có tính chất tư sản này, dù rất hạn chế, đã mở đường cho nước Nga chuyển nhanh sang chủ nghĩa tư bản.

- Lập niên biểu các cuộc cách mạng tư sản ở châu Âu trong những năm 60 của thế kỉ XIX. Những cuộc cách mạng tư sản này đưa đến những kết quả gì ?

2. Sự xâm lược của tư bản phương Tây đối với các nước Á, Phi

Trong thời kì cách mạng công nghiệp, kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Anh và Pháp phát triển nhanh chóng làm tăng nhu cầu tranh giành thị trường, đẩy mạnh việc xâm lược các nước ở phương Đông, đặc biệt là Ấn Độ, Trung Quốc và khu vực Đông Nam Á.

Ấn Độ từ lâu là nơi tranh chấp giữa Anh và Pháp. Cuối thế kỉ XVIII, Pháp phải để cho Anh độc chiếm Ấn Độ.

Năm 1840, Anh gây ra cuộc Chiến tranh thuốc phiện với triều đình Mãn Thanh, mở đầu sự xâm chiếm Trung Quốc. Sau đó, các nước khác như Mĩ, Pháp, Đức... đua nhau xâm xé Trung Quốc, biến Trung Quốc thành nước nửa thuộc địa. Đông Nam Á nằm giữa Ấn Độ và Trung Quốc, tiếp giáp với Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, có một vị trí chiến lược quan trọng và giàu tài nguyên, nên sớm bị tư bản phương Tây nhòm ngó. Phi-líp-pin đã là thuộc địa của Tây Ban Nha từ thế kỉ XVI. Quần đảo In-đô-nê-xi-a bị Hà Lan xâm lược từ thế kỉ XVI - XVII. Năm 1824, Anh bắt đầu xâm lược Miến Điện ⁽¹⁾; đến cuối thế kỉ XIX, hoàn thành công cuộc chinh phục nước này. Mã Lai ⁽²⁾ cũng rơi vào tay Anh. Việt Nam, Cam-pu-chia, Lào lần lượt bị Pháp đô hộ. Xiêm ⁽³⁾ trở thành nơi tranh chấp thế lực giữa các nước Anh và Pháp.

Châu Phi vào nửa đầu thế kỉ XIX còn là một lục địa bí hiểm đối với các nước tư bản phương Tây. Các nước này mới đặt được một số căn cứ thương mại ở ven biển. Riêng Anh có thuộc địa Kép ở Nam Phi, Pháp có thuộc địa An-giê-ri ở Bắc Phi. Đến nửa sau thế kỉ XIX, thực dân phương Tây mới tìm cách đi sâu vào đất liền.

"Vì luôn luôn bị thúc đẩy bởi nhu cầu về những nơi tiêu thụ sản phẩm, giai cấp tư sản xâm lấn khắp toàn cầu. Nó xâm nhập vào khắp nơi, trụ lại ở khắp nơi và thiết lập những mối liên hệ khắp nơi. Nó buộc tất cả các dân tộc phải thực hành phương thức sản xuất tư bản, nếu không sẽ bị tiêu diệt; nó buộc tất cả các dân tộc phải du nhập cái gọi là văn minh, nghĩa là phải trở thành tư sản. Nói tóm lại, nó tạo ra cho nó một thế giới theo hình ảnh của nó".

(Mác, Ăng-ghen - Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản)

Kết quả là, hầu hết các nước châu Á, châu Phi lần lượt trở thành thuộc địa hoặc phụ thuộc của thực dân phương Tây.

- Vì sao các nước tư bản phương Tây đẩy mạnh việc xâm chiếm thuộc địa ?

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Những sự kiện nào chứng tỏ đến giữa thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản đã thắng lợi trên phạm vi toàn thế giới ?
2. Dùng lược đồ thế giới, đánh dấu các nước ở châu Á, châu Phi đã trở thành thuộc địa (của nước thực dân nào ?).

(1) Nay là Mi-an-ma.

(2) Nay là Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po.

(3) Nay là Thái Lan.

Bài 4

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA MÁC

Phong trào đấu tranh của công nhân vào nửa đầu thế kỉ XIX có những bước tiến mới. Trên cơ sở phong trào công nhân, chủ nghĩa Mác ra đời với “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” có ý nghĩa rất quan trọng.

I - PHONG TRÀO CÔNG NHÂN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX

1. Phong trào đập phá máy móc và bãi công

Cùng với sự phát triển công nghiệp, giai cấp công nhân hình thành sớm ở Anh, rồi ở các nước khác. Lòng tham lợi nhuận, sự bóc lột nặng nề của giai cấp tư sản đã làm cho tình cảnh công nhân vô cùng khốn khổ. Họ phải làm việc từ 14 đến 16 giờ mỗi ngày trong những điều kiện lao động vất vả để nhận đồng lương chết đói. Đàn bà, trẻ em cũng phải làm việc nặng, lương thấp hơn đàn ông. Điều kiện ăn ở rất tồi tàn.



Hình 24. Lao động trẻ em trong hầm mỏ ở Anh

Năm 1833, một "công nhân" nhỏ tuổi đã kể :

"Tôi năm nay 12 tuổi, đã làm việc trong xưởng dệt từ năm ngoái. Bình quân mỗi ngày làm việc 12 giờ 30 phút. Thỉnh thoảng còn phải làm thêm giờ".

Một người khác kể :

"Tôi đã làm việc hai năm ở đây, từ lúc 12 tuổi ; hằng ngày phải làm việc 16 giờ.
Giờ đây tôi không chịu được nữa, bị ốm nên đã đề nghị rút xuống 12 giờ.
Ông chủ bảo tôi : Nếu vậy thì mày ra khỏi nhà máy, đừng quay lại nữa".

- Vì sao giới chủ lại thích sử dụng lao động trẻ em ?

Vào cuối thế kỉ XVIII, phong trào đập phá máy móc và đốt công xưởng nổ ra mạnh mẽ ở Anh. Đầu thế kỉ XIX, phong trào này lan ra các nước khác như Pháp, Bỉ, Đức. Công nhân còn đấu tranh bằng hình thức bãi công, đòi tăng lương, giảm giờ làm.

- Vì sao trong cuộc đấu tranh chống tư sản, công nhân lại đập phá máy móc ?

Trong quá trình đấu tranh, giai cấp công nhân đã thành lập các công đoàn.

Công đoàn là tổ chức nghề nghiệp của công nhân, có nhiệm vụ đoàn kết, tổ chức họ đấu tranh đòi quyền lợi cho mình, như đòi tăng lương, giảm giờ làm, cải thiện điều kiện làm việc (vệ sinh môi trường, an toàn lao động...), giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn (ốm đau, tai nạn, thất nghiệp)...

2. Phong trào công nhân trong những năm 1830 - 1840

Từ những năm 30 - 40 của thế kỉ XIX, giai cấp công nhân đã lớn mạnh, tiến hành đấu tranh chính trị, trực tiếp chống lại giai cấp tư sản.

Năm 1831, công nhân dệt tơ thành phố Li-ông (Pháp) khởi nghĩa đòi tăng lương, giảm giờ làm và đòi thiết lập chế độ cộng hoà. Tinh thần đấu tranh của họ thể hiện qua khẩu hiệu viết trên lá cờ "Sống trong lao động, chết trong chiến đấu". Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp. Năm 1834, thợ tơ Li-ông lại khởi nghĩa, đã chiến đấu quyết liệt với quân chính phủ trong bốn ngày.

Năm 1844, công nhân dệt vùng Sơ-lê-din (Đức) khởi nghĩa, chống sự hà khắc của chủ xưởng và điều kiện lao động tồi tệ. Cuộc khởi nghĩa chỉ cầm cự được ba ngày rồi bị đàn áp đẫm máu.

Từ năm 1836 đến năm 1847, một phong trào công nhân rộng lớn, có tổ chức, đã diễn ra ở Anh, đó là "Phong trào Hiến chương".



Hình 25. Công nhân Anh đưa Hiến chương đến Quốc hội

Hình thức đấu tranh của phong trào này là mít tinh, biểu tình đưa kiến nghị (có hàng triệu chữ kí) đến Quốc hội đòi quyền phổ thông bầu cử, tăng lương, giảm giờ làm cho người lao động. Phong trào cuối cùng bị dập tắt nhưng đã tỏ rõ tính chất quần chúng rộng lớn, tính tổ chức và mục tiêu chính trị rõ nét.

Những cuộc đấu tranh của công nhân Pháp, Đức, Anh nêu trên cuối cùng đều bị thất bại vì thiếu tổ chức lãnh đạo vững vàng và chưa có đường lối chính trị đúng đắn, nhưng đã đánh dấu sự trưởng thành của phong trào công nhân quốc tế và tạo tiền đề cho sự ra đời của lí luận cách mạng.

- Trình bày các sự kiện chủ yếu về phong trào công nhân trong những năm 1830 - 1840.
- Nêu kết cục phong trào đấu tranh của công nhân ở các nước châu Âu trong nửa đầu thế kỉ XIX.

II - SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA MÁC

1. Mác và Ăng-ghe-n

Các Mác sinh năm 1818 trong một gia đình trí thức gốc Do Thái ở thành phố Tơ-ri-ơ (Đức). Từ nhỏ, Mác nổi tiếng thông minh ; năm 23 tuổi đỗ Tiến sĩ triết học.

Mác vừa nghiên cứu khoa học, vừa cộng tác với các báo có khuynh hướng cách mạng. Bị trục xuất khỏi Đức, năm 1843 Mác sang Pa-ri tiếp tục nghiên cứu và tham gia phong trào cách mạng ở Pháp.

Trong những bài viết của mình, Mác kết luận : Giai cấp vô sản được vũ trang bằng lí luận cách mạng sẽ đảm đương sứ mệnh lịch sử giải phóng loài người khỏi ách áp bức bóc lột.

Phri-đrích Ăng-ghe-nơ sinh năm 1820 trong một gia đình chủ xưởng giàu có ở thành phố Béc-men, thuộc vùng công nghiệp phát triển nhất của Đức thời đó. Hiểu rõ thủ đoạn làm giàu của giai cấp tư sản, ông tỏ ra khinh ghét chúng. Năm 1842, ông sang Anh và đi sâu tìm hiểu nỗi khổ của những người công nhân, công bố nhiều bài viết, trong đó có cuốn *Tình cảnh giai cấp công nhân Anh*.

Ăng-ghe-nơ cho rằng giai cấp vô sản không chỉ là nạn nhân của chủ nghĩa tư bản mà còn là một lực lượng có thể đánh đổ sự thống trị của giai cấp tư sản và tự giải phóng khỏi mọi xiềng xích.

- *Nêu điểm giống nhau trong tư tưởng của Mác và Ăng-ghe-nơ.*



Hình 26. C.Mác (1818 - 1883)



Hình 27. Ph. Ăng-ghe-nơ (1820 - 1895)

Năm 1844, Ăng-ghe-n từ Anh sang Pháp và gặp Mác ; từ đó bắt đầu một tình bạn lâu dài, bền chặt và cảm động giữa hai nhà lí luận cách mạng lỗi lạc.

2. “Đồng minh những người cộng sản” và “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”



Hình 28. Trang bìa
Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản,
xuất bản lần đầu tiên ở Anh
tháng 2 - 1848

Trong thời gian ở Anh, Mác và Ăng-ghe-n liên hệ với một tổ chức bí mật của công nhân Tây Âu là “Đồng minh những người chính nghĩa” và cải tổ thành “Đồng minh những người cộng sản”. Đây là chính đảng độc lập đầu tiên của vô sản quốc tế. Hai ông được uỷ nhiệm soạn thảo cương lĩnh của Đồng minh. Tháng 2 - 1848, cương lĩnh được công bố ở Luân Đôn dưới hình thức một bản tuyên ngôn - *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*.

Tuyên ngôn gồm có Lời mở đầu và bốn chương. Lời mở đầu nêu mục đích, nguyện vọng của những người cộng sản.

Tuyên ngôn nêu rõ quy luật phát triển của xã hội loài người là sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Tuyên ngôn nhấn mạnh vai trò của giai cấp vô sản là lực lượng lật đổ chế độ tư bản và xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa.

Tuyên ngôn kết thúc bằng lời kêu gọi : “Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại !”.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là văn kiện quan trọng của chủ nghĩa xã hội khoa học, bao gồm những luận điểm cơ bản về sự phát triển của xã hội và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- *“Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” ra đời trong hoàn cảnh nào ? Nội dung chủ yếu của nó.*

3. Phong trào công nhân từ năm 1848 đến năm 1870 - Quốc tế thứ nhất

Trong những năm cách mạng 1848 - 1849, giai cấp công nhân nhiều nước ở châu Âu đã đứng lên đấu tranh quyết liệt chống áp bức bóc lột. Ngày 23 - 6 - 1848, công nhân và nhân dân lao động Pa-ri lại khởi nghĩa, dựng chiến lũy và chiến đấu anh dũng liên tục trong bốn ngày. Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp đẫm máu, nhưng - như Mác nhận định, “đây là trận đánh lớn đầu tiên giữa hai giai cấp phân chia xã hội hiện nay”.

Ở Đức, công nhân và thợ thủ công cũng nổi dậy. Sợ hãi trước phong trào quần chúng, tư sản Đức không quyết liệt đấu tranh chống thế lực phong kiến. Tuy vậy, phong trào cách mạng vẫn tiếp tục phát triển.

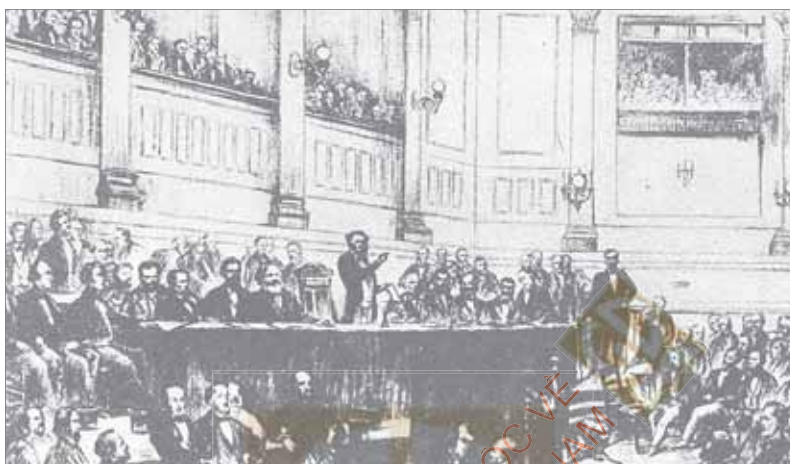
Từ sau cách mạng 1848 - 1849 đến năm 1870, chế độ tư bản đạt được sự thắng lợi đối với chế độ phong kiến trên phạm vi thế giới. Tuy thành quả cách mạng rơi vào tay giai cấp tư sản, song công nhân cũng đã trưởng thành trong đấu tranh, nhận thức rõ hơn về vai trò giai cấp mình và tinh thần đoàn kết quốc tế của công nhân.

- *Phong trào công nhân từ sau cách mạng 1848 - 1849 đến năm 1870 có nét gì nổi bật ?*

Ngày 28 - 9 - 1864, trong cuộc mít tinh lớn ở Luân Đôn có đại biểu công nhân nhiều nước tham gia, Hội Liên hiệp lao động quốc tế được thành lập (sau đi vào lịch sử với tên gọi *Quốc tế thứ nhất*). Mác là đại biểu của công nhân Đức, được cử vào Ban lãnh đạo và trở thành linh hồn của Quốc tế thứ nhất.

Từ khi thành lập đến năm 1870, Quốc tế thứ nhất vừa tiến hành truyền bá học thuyết Mác, vừa đóng vai trò trung tâm thúc đẩy phong trào công nhân quốc tế.

Năm 1868, ở Anh nổ ra cuộc bãi công lớn, chủ tư bản Anh định đưa công nhân Pháp sang làm việc nhằm làm thất bại cuộc bãi công. Do sự thuyết phục của Quốc tế thứ nhất, công nhân Pháp đã từ chối sang Anh làm việc. Cuối cùng, cuộc bãi công của công nhân Anh thắng lợi.



Hình 29. Quang cảnh buổi lễ thành lập Quốc tế thứ nhất

Trong những năm 1868 - 1869, công nhân mỏ ở Bỉ đã liên tục bãi công ; chính phủ Bỉ ra lệnh khủng bố, tàn sát nhiều người. Quốc tế thứ nhất đã kêu gọi công nhân các nước quyền góp, ủng hộ công nhân Bỉ.

- Nêu vai trò của C. Mác trong việc thành lập Quốc tế thứ nhất.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Trình bày đôi nét về tiểu sử (hoặc giới hạn ở công lao, tình bạn) của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n.
2. Trình bày vai trò của Quốc tế thứ nhất đối với phong trào công nhân quốc tế.

Chương II

CÁC NƯỚC ÂU - MỸ CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

Bài 5

CÔNG XÃ PA-RI 1871

Nước Pháp bại trận, mâu thuẫn giai cấp càng sâu sắc. Công xã Pa-ri ra đời, trở thành nhà nước kiểu mới và có ý nghĩa lịch sử to lớn.

I - SỰ THÀNH LẬP CÔNG XÃ

1. Hoàn cảnh ra đời của Công xã

Nhằm giảm nhẹ các mâu thuẫn trong nước và ngăn cản quá trình thống nhất nước Đức, Pháp tuyên chiến với Phổ ⁽¹⁾.

Năm 1870, chiến tranh Pháp - Phổ nổ ra trong điều kiện không có lợi cho Pháp.

Trái với Phổ, quân Pháp chưa chuẩn bị chu đáo để tham gia chiến tranh : quân đội chưa được huấn luyện kĩ càng, thiếu sự chỉ huy thống nhất, thiếu vũ khí, trang thiết bị, ngay cả kế hoạch tác chiến cũng không có.

Ngày 2 - 9 - 1870, Hoàng đế nước Pháp là Na-pô-lê-ông III cùng toàn bộ quân chủ lực gồm 10 vạn người bị quân Phổ bắt làm tù binh tại thành Xơ-đăng (gần biên giới Pháp - Bỉ).

(1) Thời đó, Phổ là vương quốc lớn nhất ở Đức, có lực lượng quân sự hùng mạnh và hiếu chiến, giữ vai trò chủ đạo trong chiến tranh với Pháp.

Được tin đó, ngày 4 - 9 - 1870, nhân dân Pa-ri, phần lớn là công nhân và tiểu tư sản, đã đứng lên khởi nghĩa, lật đổ chính quyền Na-pô-lê-ông III, đòi thành lập chế độ cộng hoà và bảo vệ “Tổ quốc lâm nguy”. Chính phủ lâm thời tư sản được thành lập, mang tên “Chính phủ vệ quốc”.

Theo đà chiến thắng, quân Phổ tiến sâu vào đất Pháp và bao vây Pa-ri. Chính phủ tư sản vội vã xin đình chiến. Bất chấp thái độ đầu hàng và hành động đàn áp phong trào đấu tranh của chính phủ tư sản, nhân dân Pa-ri kiên quyết chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

- Thái độ của “Chính phủ vệ quốc” và của nhân dân Pháp trước tình hình đất nước sau ngày 4 - 9 - 1870 như thế nào ?

2. Cuộc khởi nghĩa ngày 18 - 3 - 1871. Sự thành lập Công xã

Mâu thuẫn giữa chính phủ tư sản đóng ở Véc-xai với nhân dân Pa-ri (do Ủy ban Trung ương Quốc dân quân chỉ huy) ngày càng tăng. Chi-e - người nắm vai trò quyết định trong chính phủ mới, ra lệnh tước vũ khí của Quốc dân quân, hòng bắt hết các uỷ viên của Ủy ban Trung ương.

Ba giờ sáng 18 - 3 - 1871, Chi-e cho quân đánh úp đội Mông-mác (Bắc Pa-ri), nơi tập trung đại bác của Quốc dân quân, nhưng gặp phải sự phản kháng mạnh mẽ của nhân dân. Công nhân Pa-ri và gia đình họ kéo đến ngày càng đông để hỗ trợ cho các chiến sĩ Quốc dân quân. Quân Chi-e bị vây chặt. Bọn chỉ huy điên cuồng ra lệnh bắn vào nhân dân nhưng binh lính không tuân lệnh. Họ ngả về phía nhân dân, tước vũ khí của chúng.

Âm mưu chiếm đội Mông-mác của Chi-e bị thất bại. Chiến sự cũng diễn ra ở các nơi khác với thắng lợi của Quốc dân quân. Cuộc chiến đấu kết thúc khi nhân dân làm chủ Pa-ri. Quân chính phủ tháo chạy về Véc-xai. Ủy ban Trung ương Quốc dân quân đảm nhiệm vai trò Chính phủ lâm thời.

Ngày 26 - 3 - 1871, nhân dân Pa-ri tiến hành bầu Hội đồng Công xã theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu. 86 đại biểu đã trúng cử, hầu hết là công nhân và trí thức, đại diện cho nhân dân lao động Pa-ri.

- Trình bày diễn biến chính của cuộc khởi nghĩa ngày 18 - 3 - 1871.

II - TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHÍNH SÁCH CỦA CÔNG XÃ PA-RI

Cơ quan cao nhất của Nhà nước mới là Hội đồng Công xã, vừa ban bố pháp luật, vừa lập các uỷ ban thi hành pháp luật.



Công xã ra sắc lệnh giải tán quân đội và bộ máy cảnh sát của chế độ cũ, thành lập lực lượng vũ trang và lực lượng an ninh của nhân dân. Công xã đã ban bố và thi hành các sắc lệnh phục vụ quyền lợi của nhân dân :

- Tách nhà thờ khỏi hoạt động của Nhà nước, nhà trường không được dạy kinh Thánh.
- Giao cho công nhân quản lí những xí nghiệp của bọn chủ bỏ trốn.
- Quy định về tiền lương tối thiểu, giảm lao động ban đêm, cấm cúp phạt, đánh đập, công nhân.
- Hoàn trả tiền thuê nhà, hoàn trả nợ.
- Quy định giá bán bánh mì.
- Thực hiện chế độ giáo dục bắt buộc, miễn học phí.

Công xã Pa-ri trở thành một Nhà nước kiểu mới.

- Những chính sách của Công xã Pa-ri phục vụ quyền lợi cho ai ?

III - NỘI CHIẾN Ở PHÁP. Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CÔNG XÃ PA-RI

Từ đầu tháng 4, quân Véc-xai bắt đầu tiến công Pa-ri. Đến đầu tháng 5, phần lớn các pháo đài ở phía tây và phía nam bị quân Véc-xai chiếm lại.

Đầu tháng 5 - 1871, chính phủ Chi-e kí hoà ước với Đức, cắt cho Đức tỉnh An-dát và một phần tỉnh Lo-ren giàu có, chịu bồi thường 5 tỉ phrăng vàng. Đáp lại, Đức thả 10 vạn tù binh để Chi-e có thêm lực lượng chống lại Công xã.

- Tại sao Đức ủng hộ Chính phủ Véc-xai trong việc chống lại Công xã Pa-ri ?

Ngày 20 - 5, quân chính phủ Véc-xai bắt đầu tổng tấn công vào thành phố. Từ đó diễn ra cuộc chiến ác liệt giành giật từng ngôi nhà, góc phố, kéo dài cho đến ngày 28 - 5 - 1871, lịch sử gọi là “Tuần lễ đẫm máu”. Nhân dân lao động Pa-ri, kể cả người già, phụ nữ, trẻ em đều tham gia chiến đấu. Trận chiến đấu cuối cùng của các chiến sĩ Công xã diễn ra ở nghĩa địa Cha La-se-dơ ngày 27 - 5.



Hình 31. Cuộc chiến đấu trên chiến lũy

Tuy chỉ tồn tại 72 ngày, nhưng Công xã Pa-ri có ý nghĩa thực sự lớn lao. Công xã là hình ảnh của một chế độ mới, xã hội mới, là sự cổ vũ nhân dân lao động toàn thế giới trong sự nghiệp đấu tranh cho một tương lai tốt đẹp hơn. Công xã để lại nhiều bài học quý báu : cách mạng vô sản muốn thắng lợi phải có Đảng cách mạng chân chính lãnh đạo, thực hiện liên minh công nông ; phải kiên quyết trấn áp kẻ thù, xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân.

- Cuộc chiến đấu giữa chiến sĩ Công xã Pa-ri và quân Véc-xai diễn ra như thế nào ?

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Vì sao nhân dân Pa-ri đấu tranh và thành lập Công xã Pa-ri ?
2. Lập niên biểu những sự kiện cơ bản của Công xã Pa-ri.
3. Vì sao nói Công xã Pa-ri là nhà nước kiểu mới ?
4. Trình bày ý nghĩa lịch sử và bài học của Công xã Pa-ri.

Bài 6

CÁC NƯỚC ANH, PHÁP, ĐỨC, MỸ CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền hay chủ nghĩa đế quốc, tiêu biểu là Anh, Pháp, Đức, Mỹ. Tình hình kinh tế, chính sách đối nội, đối ngoại của các nước này có nhiều thay đổi quan trọng.

I - TÌNH HÌNH CÁC NƯỚC ANH, PHÁP, ĐỨC, MỸ

1. Anh

Từ vị trí dẫn đầu thế giới về sản xuất công nghiệp, cuối thế kỉ XIX công nghiệp Anh phát triển chậm hơn các nước Mỹ, Đức. Anh mất dần vị trí độc quyền công nghiệp, xuống hàng thứ ba thế giới.

Nguyên nhân chủ yếu là do công nghiệp ở Anh phát triển sớm, hàng loạt máy móc, trang thiết bị dần dần trở nên lạc hậu. Giai cấp tư sản Anh lại chú trọng đầu tư vào các nước thuộc địa hơn là đầu tư, đổi mới và phát triển công nghiệp trong nước.

- Vì sao giai cấp tư sản Anh chú trọng đầu tư vào các nước thuộc địa ?

Tuy mất vai trò bá chủ thế giới về công nghiệp nhưng Anh vẫn là nước dẫn đầu thế giới về xuất khẩu tư bản, thương mại và thuộc địa. Đầu thế kỉ XX, nhiều công ti độc quyền về công nghiệp và tài chính ra đời, từng bước chi phối toàn bộ đời sống kinh tế của đất nước. Có thể lực nhất là 5 ngân hàng ở Luân Đôn, chiếm 40% số vốn đầu tư của nước Anh.

Về chính trị, Anh vẫn là nước quân chủ lập hiến. Hai đảng - Đảng Tự do và Đảng Bảo thủ, thay nhau cầm quyền, bảo vệ quyền lợi cho giai cấp tư sản.

Đẩy mạnh xâm lược thuộc địa là chính sách ưu tiên hàng đầu của giới cầm quyền ở Anh. Đến năm 1914, khi thế giới đã bị các nước đế quốc chia xong, thuộc địa Anh rộng tới 33 triệu km² với 400 triệu người, bằng 1/4 diện tích và 1/4 dân số thế giới, gấp 12 lần thuộc địa của Đức và 3 lần thuộc địa của Pháp.

Lê-nin gọi chủ nghĩa đế quốc Anh là “chủ nghĩa đế quốc thực dân”.

Nước Anh có hệ thống thuộc địa rộng lớn, được gọi là “đế quốc mà Mặt Trời không bao giờ lặn”, trải dài từ Niu Di-lân, Ô-xtrây-li-a, Ấn Độ, Ai Cập, Xu-đăng, Nam Phi, Ca-na-đa cùng nhiều vùng đất khác ở châu Á, châu Phi và các đảo trên đại dương.

- *Trình bày nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng tụt hậu về công nghiệp của Anh.*
- *Nêu đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc Anh.*

2. Pháp

Do hậu quả của chiến tranh Pháp - Phổ (1870 - 1871), nhịp độ phát triển công nghiệp của Pháp chậm lại. Công nghiệp Pháp từ hàng thứ hai thế giới (sau Anh), đến cuối thế kỉ XIX tụt xuống thứ tư (sau Mỹ, Đức, Anh).

Tuy nhiên, vào đầu thế kỉ XX, một số ngành được phát triển : đường sắt, khai mỏ, luyện kim, thương mại. Một số ngành công nghiệp mới ra đời và tăng trưởng rất nhanh : điện khí, hoá chất, chế tạo ô tô... Nông nghiệp vẫn trong tình trạng sản xuất nhỏ, gặp khó khăn trong việc sử dụng máy móc và kĩ thuật canh tác mới. Trong bối cảnh đó, các công ti độc quyền ra đời và dần dần chi phối nền kinh tế Pháp, đặc biệt trong lĩnh vực ngân hàng.

2/3 số tư bản trong nước thuộc về 5 ngân hàng, phần lớn đầu tư ra nước ngoài. Năm 1914, Pháp xuất khẩu 60 tỉ phrăng, trong đó hơn một nửa cho nước Nga vay, còn lại cho Thổ Nhĩ Kỳ, các nước Cận Đông, Trung Âu và Mĩ La-tinh vay, chỉ có 2-3 tỉ đưa vào thuộc địa.

Lê-nin nhận xét chủ nghĩa đế quốc Pháp là “chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi”.

Về chính trị, từ sau cách mạng 4 - 9 - 1870, nền Cộng hoà thứ ba⁽¹⁾ ở Pháp được thành lập. Chính phủ cộng hoà thi hành các chính sách đàn áp nhân dân, tích cực chạy đua vũ trang và tăng cường xâm lược thuộc địa.

(1) Nền Cộng hoà thứ nhất ra đời trong thời kì cách mạng 1789 ; nền Cộng hoà thứ hai ra đời trong cách mạng 1848 - 1849 ở Pháp.

Pháp cũng có hệ thống thuộc địa đứng thứ hai thế giới, bằng 1/3 diện tích thuộc địa của Anh. Đó là các thuộc địa ở châu Phi (An-giê-ri, Tuy-ni-di, Ma-rốc, Ma-đa-ga-xca...), ở châu Á (Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia) và một số đảo trên Thái Bình Dương.

- *Các tổ chức độc quyền ở Pháp ra đời trong điều kiện kinh tế như thế nào ?*
- *Tại sao nói chủ nghĩa đế quốc Pháp là “chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi” ?*

3. Đức

Từ khi đất nước được thống nhất (18 - 1 - 1871), Đức phát triển rất nhanh trên con đường tư bản chủ nghĩa. Sau vài thập niên, Đức vượt Pháp, đuổi kịp rồi vượt Anh, trở thành nước đứng đầu châu Âu, thứ hai thế giới (sau Mỹ) về sản xuất công nghiệp. Năm 1913, sản lượng gang, thép của Đức gấp đôi Anh. Sự phát triển nhanh chóng của Đức là do giành được nhiều quyền lợi từ Pháp sau chiến tranh Pháp - Phổ và ứng dụng những thành tựu mới nhất của khoa học - kĩ thuật vào sản xuất.

Cuối thế kỉ XIX, quá trình tập trung sản xuất, tập trung tư bản đã diễn ra ở Đức, dẫn đến việc hình thành các công ti độc quyền về luyện kim, than đá, điện, hoá chất... chi phối nền kinh tế Đức.

Điển hình là công ti than đá vùng Rai-na - Ve-xpha-len thành lập năm 1893, đến năm 1910 đã kiểm soát hơn 50% tổng sản lượng than toàn quốc và 95% sản lượng than vùng Rur (vùng công nghiệp lớn nhất của Đức).

Về chính trị, Đức theo thể chế liên bang. Mặc dù có Hiến pháp, có Quốc hội, Đức vẫn là nhà nước chuyên chế dưới sự thống trị của quý tộc địa chủ và tư sản độc quyền. Nhà nước đó thi hành chính sách đối nội, đối ngoại phản động : đề cao chủng tộc Đức, đàn áp phong trào công nhân, truyền bá bạo lực, tích cực chạy đua vũ trang. Nước Đức tiến sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa khi phần lớn đất đai trên thế giới đã trở thành thuộc địa hoặc nửa thuộc địa của Anh, Pháp. Như “con hổ đói đến bàn tiệc muộn”, giới cầm quyền Đức hung hãn đòi dùng vũ lực để chia lại thị trường, chia lại các khu vực ảnh hưởng trên thế giới.

Chủ nghĩa đế quốc Đức là “chủ nghĩa đế quốc quân phiệt, hiếu chiến”.

- *Các công ti độc quyền ở Đức ra đời trong điều kiện kinh tế như thế nào ?*
- *Nêu đặc điểm của đế quốc Đức và giải thích.*

4. Mĩ

Trong số các nước công nghiệp tiên tiến, Mĩ có nền kinh tế phát triển mạnh nhất. Trong 30 năm cuối thế kỉ XIX, Mĩ từ vị trí thứ tư (sau Anh, Pháp, Đức) nhảy vọt lên đứng đầu thế giới về sản xuất công nghiệp. Năm 1894, sản phẩm công nghiệp của Mĩ đã gấp đôi Anh và bằng 1/2 các nước Tây Âu gộp lại.

Công nghiệp Mĩ phát triển trong điều kiện thuận lợi : tài nguyên thiên nhiên phong phú, thị trường trong nước không ngừng mở rộng, thu hút hàng chục triệu nhân lực nhập cư của thế giới (nhất là từ châu Âu), ứng dụng khoa học - kĩ thuật và hợp lí hoá sản xuất, lợi dụng nguồn đầu tư của châu Âu và hoàn cảnh hoà bình lâu dài để phát triển kinh tế.

Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, ở Mĩ xuất hiện các công ti độc quyền khổng lồ, có ảnh hưởng rất lớn đến kinh tế, chính trị. Đứng đầu các công ti đó là những ông “vua” như “vua dầu mỏ” Rốc-phe-lơ, “vua thép” Moóc-gan, “vua ô tô” Pho...

Công ti thép của Moóc-gan thành lập năm 1903, kiểm soát 60% sản lượng thép. Công ti còn có 5000 ha mỏ than, 1600 km đường sắt, 100 tàu thủy. Công ti dầu mỏ của Rốc-phe-lơ kiểm soát 90% ngành sản xuất dầu mỏ với 70 000 km đường ống dẫn dầu, hàng trăm tàu biển và kho tàng ở trong và ngoài nước, đồng thời có tài sản lớn trong các ngành hơi đốt, điện khí, luyện kim... Hai tập đoàn trên lũng đoạn ngành ngân hàng, nắm trong tay 1/3 số vốn ngân hàng toàn nước Mĩ.

Nông nghiệp cũng đạt được những thành tựu lớn. Nhờ điều kiện tự nhiên thuận lợi (đất đai bao la và màu mỡ), phương thức canh tác hiện đại (trang trại, chuyên canh, cơ giới hoá), Mĩ đã trở thành nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm cho châu Âu.

Chế độ chính trị Mĩ đề cao vai trò Tổng thống do hai đảng - Đảng Cộng hoà và Đảng Dân chủ, thay nhau cầm quyền, thi hành các chính sách đối nội, đối ngoại phục vụ giai cấp tư sản.

Vào những thập niên cuối thế kỉ XIX, khi các nước đế quốc Tây Âu tăng cường xâm chiếm thuộc địa thì Mĩ mài miết khai thác những vùng đất rộng lớn ở miền Trung và miền Tây, mở rộng biên giới đến bờ Thái Bình Dương. Cuối thế kỉ XIX, Mĩ tăng cường bành trướng ở khu vực Thái Bình Dương, gây chiến tranh với Tây Ban Nha để tranh giành thuộc địa, can thiệp vào khu vực Trung, Nam Mĩ bằng sức mạnh của vũ lực và đồng đôla Mĩ.

- Các công ti độc quyền ở Mĩ hình thành trong tình hình kinh tế như thế nào ?
- Tại sao nói Mĩ là xứ sở của các “ông vua công nghiệp” ?

II - CHUYỂN BIẾN QUAN TRỌNG Ở CÁC NƯỚC ĐẾ QUỐC

1. Sự hình thành các tổ chức độc quyền

Sản xuất công nghiệp phát triển mạnh mẽ làm xuất hiện việc cạnh tranh gay gắt, tập trung sản xuất và tư bản. Các công ti độc quyền lớn hình thành, chi phối đời sống xã hội.

- Qua tình hình của các nước Anh, Pháp, Đức, Mĩ cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, hãy nêu đặc điểm chung, nổi bật trong sự phát triển kinh tế của các nước đó.



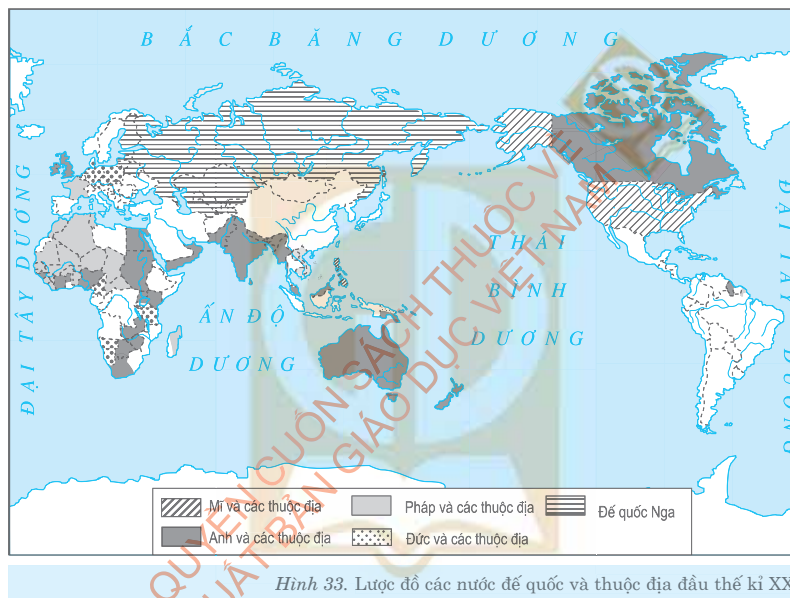
Hình 32. Tranh đương thời nói về quyền lực của các tổ chức độc quyền ở Mĩ (chữ trên mình mãng xà : monopoly - độc quyền)

- Quan sát hình 32, em hãy cho biết quyền lực của các tổ chức độc quyền ở Mĩ được thể hiện như thế nào ?

2. Tăng cường xâm lược thuộc địa, chuẩn bị chiến tranh chia lại thế giới

Từ giữa thế kỉ XIX, các nước phương Tây tăng cường xâm lược thuộc địa để đáp ứng những yêu cầu phát triển của chủ nghĩa đế quốc. Đến đầu thế kỉ XX, “thế giới đã bị phân chia xong”.

Lược đồ dưới đây thể hiện các nước đế quốc lớn đã chia nhau xâm chiếm các nước nhỏ yếu trên thế giới :



- Quan sát lược đồ, kết hợp với bản đồ thế giới và các kiến thức đã học, ghi tên các thuộc địa của Anh, Pháp, Đức, Mỹ.
- Tại sao các nước đế quốc tăng cường xâm lược thuộc địa ?

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Dưới đây là bảng so sánh về vị trí của các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ trong sản xuất công nghiệp ở hai thời điểm : 1870, 1913. Hãy điền vào ô trống tên các nước như nội dung đã học :

Năm	Vị trí	Thứ nhất	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư
1870					
1913					

- Nêu mâu thuẫn chủ yếu giữa các đế quốc “già” (Anh, Pháp) với các đế quốc “trẻ” (Đức, Mĩ).
- Mâu thuẫn đó đã chi phối chính sách đối ngoại của các nước đế quốc như thế nào ?

Bài 7

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN QUỐC TẾ CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

Vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, phong trào công nhân quốc tế phát triển, Quốc tế thứ hai ra đời.

Cách mạng Nga 1905 - 1907 bùng nổ, làm suy yếu chế độ Nga hoàng.

I - PHONG TRÀO CÔNG NHÂN QUỐC TẾ CUỐI THẾ KỈ XIX. QUỐC TẾ THỨ HAI

1. Phong trào công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX

Vào 30 năm cuối thế kỉ XIX, trong các nước tư bản Âu - Mĩ, mâu thuẫn giữa tư sản và vô sản ngày càng trở nên sâu sắc. Giai cấp công nhân đã tiến hành các cuộc đấu tranh chống lại mọi thủ đoạn áp bức của giai cấp tư sản.

Ở Anh, nhiều cuộc bãi công lớn đã nổ ra, đặc biệt là cuộc đấu tranh của công nhân khuôn vác Luân Đôn đã buộc chủ phải tăng lương (năm 1889). Ở Pháp, năm 1893 công nhân giành thắng lợi trong cuộc bầu cử Quốc hội. Ở Mĩ, đầu năm 1886 nhiều cuộc bãi công lớn nổ ra trong toàn quốc. Ngày 1 - 5 - 1886, hơn 350 000 công nhân đình công, xuống đường biểu tình đòi ngày làm 8 giờ. Cuộc đình công lan ra trên 11 000 nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ ; đặc biệt là cuộc biểu tình của 40 vạn công nhân Si-ca-gô. Tuy bị đàn áp, nhưng đã có 50 000 người được quyền làm việc 8 giờ/ngày. Từ năm 1889, ngày 1 - 5 trở thành ngày Quốc tế lao động.



Hình 34. Cuộc biểu tình của công nhân Niu Oóc năm 1882

Sự phát triển của phong trào công nhân cùng với ảnh hưởng sâu rộng của chủ nghĩa Mác dẫn tới sự thành lập các tổ chức chính trị độc lập của giai cấp công nhân ở mỗi nước.

- Năm 1875, Đảng Xã hội dân chủ Đức ra đời.
- Năm 1879, Đảng Công nhân Pháp được thành lập.
- Năm 1883, Nhóm Giải phóng lao động Nga hình thành.

- Những sự kiện lịch sử nào chứng tỏ phong trào công nhân thế giới vẫn tiếp tục phát triển trong những năm cuối thế kỉ XIX ?

2. Quốc tế thứ hai (1889 - 1914)

Sự ra đời của những tổ chức công nhân ở các nước đòi hỏi thành lập một tổ chức quốc tế mới thay thế cho Quốc tế thứ nhất.

Ngày 14 - 7 - 1889, kỉ niệm 100 năm ngày phá ngục Ba-xi, gần 400 đại biểu công nhân của 22 nước họp đại hội ở Pa-ri, tuyên bố thành lập *Quốc tế thứ hai*. Đại hội đã thông qua các nghị quyết quan trọng : sự cần thiết phải thành lập chính đảng của giai cấp vô sản ở mỗi nước ; đấu tranh giành chính quyền, đòi ngày làm 8 giờ và lấy ngày 1 - 5 hàng năm làm ngày đoàn kết và biểu dương lực lượng của giai cấp vô sản thế giới.

Hoạt động của Quốc tế thứ hai trải qua hai giai đoạn :

- Giai đoạn một (từ năm 1889 đến năm 1895) : Dưới sự lãnh đạo của Ăng-ghe-n, Quốc tế thứ hai đã có những đóng góp quan trọng vào việc phát triển phong trào công nhân thế giới.
- Giai đoạn hai (từ năm 1895 đến năm 1914) : Sau khi Ăng-ghe-n tử trần (1895), các đảng trong Quốc tế thứ hai không những xa rời đường lối đấu tranh cách mạng, hoà hiệp với tư sản, không tích cực chống chiến tranh đế quốc, mà còn đẩy quần chúng nhân dân vào những cuộc chiến tranh vì quyền lợi của bọn đế quốc gây chiến.

Khi Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ vào năm 1914, Quốc tế thứ hai đi đến chỗ phân hoá và tan rã. Các nghị quyết, tuyên ngôn chỉ còn là lời nói suông. Trên thực tế, các đảng của Quốc tế thứ hai, trừ Đảng Công nhân xã hội

dân chủ Nga, đều đã ủng hộ chính phủ tư sản đế quốc. Ngọn cờ đấu tranh cho sự nghiệp của giai cấp công nhân, cho sự thắng lợi của chủ nghĩa Mác, từ đây đã thuộc về Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga với lãnh tụ là Lê-nin.

- *Hoàn cảnh ra đời của Quốc tế thứ hai. Vì sao Quốc tế thứ hai tan rã ?*

II - PHONG TRÀO CÔNG NHÂN NGÀ VÀ CUỘC CÁCH MẠNG 1905 - 1907

1. Lê-nin và việc thành lập đảng vô sản kiểu mới ở Nga



Hình 35.

V.I. Lê-nin (1870 - 1924)

V. I. Lê-nin⁽¹⁾ sinh ngày 22 - 4 - 1870 trong một gia đình nhà giáo tiến bộ. Ngay từ thời sinh viên, Lê-nin đã tham gia phong trào cách mạng chống Nga hoàng. Năm 1893, Lê-nin đến thủ đô Pê-téc-bua và trở thành người lãnh đạo nhóm công nhân mácxít ở đây. Sau khi bị bắt và bị đày đi Xi-bia, Lê-nin sống ở nước ngoài một thời gian, đến năm 1903 thành lập Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga⁽²⁾ với Cương lĩnh cách mạng.

(1) V. I. Lê-nin là bí danh hoạt động cách mạng của Vla-di-mia I-lích U-li-a-nốp.

(2) Đại hội lần I được tiến hành vào năm 1898, nhưng trên thực tế Đại hội lần II (1903) mới được coi là Đại hội thành lập Đảng Công nhân XHDC Nga.

Cương lĩnh khẳng định nhiệm vụ chủ yếu của Đảng là tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, đánh đổ chính quyền của giai cấp tư sản, thành lập chuyên chính vô sản. Trước mắt là đánh đổ chế độ Nga hoàng, thành lập nước cộng hoà, thi hành những cải cách dân chủ, giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

Lê-nin và Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga dần dần trở thành lực lượng lãnh đạo phong trào cách mạng ở Nga.

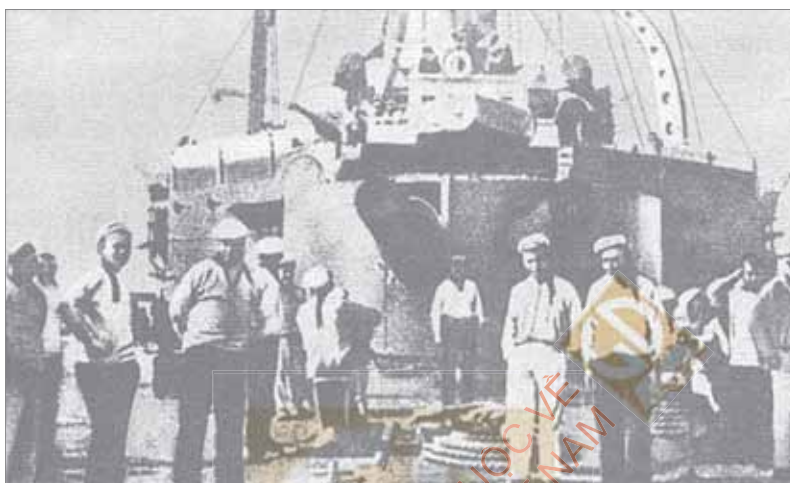
- *Tìm hiểu và trình bày những nét chính về cuộc đời và hoạt động cách mạng của Lê-nin.*
- *Những điểm nào chứng tỏ Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga là đảng kiểu mới ?*

2. Cách mạng Nga 1905 - 1907

Đầu thế kỉ XX, nước Nga lâm vào tình trạng khủng hoảng. Nhiều nhà máy bị đóng cửa, số công nhân thất nghiệp ngày càng tăng, tiền lương giảm sút, ngày lao động kéo dài từ 12 đến 14 giờ, điều kiện sống rất tồi tệ. Nhân dân ngày càng chán ghét chế độ Nga hoàng thối nát. Chế độ Nga hoàng lại còn đẩy nước Nga vào cuộc chiến tranh với Nhật Bản (1904 - 1905) để tranh giành thuộc địa. Từ cuối năm 1904, nhiều cuộc bãi công đã nổ ra với các khẩu hiệu “Đả đảo chuyên chế”, “Đả đảo chiến tranh”, “Ngày làm 8 giờ”. Lớn nhất là phong trào của công nhân, nông dân và binh sĩ, diễn ra trong những năm 1905 - 1907.

Ngày chủ nhật 9 - 1 - 1905, 14 vạn công nhân Pê-téc-bua và gia đình không mang theo vũ khí kéo đến trước Cung điện Mùa Đông (cung điện của Nga hoàng) để đưa bản yêu sách lên nhà vua. Nga hoàng Ni-cô-lai II ra lệnh cho quân đội và cảnh sát nổ súng vào đoàn biểu tình. Gần 1000 người chết, 2000 người bị thương. Làn sóng căm phẫn của nhân dân lan ra khắp nơi. Hưởng ứng lời kêu gọi của những người bôn-sê-vích, công nhân nổi dậy cầm vũ khí, dựng chiến lũy khởi nghĩa. Xung đột đổ máu giữa công nhân và cảnh sát Nga hoàng diễn ra trên các đường phố.

Tháng 5 - 1905, nông dân nhiều vùng nổi dậy, đánh phá dinh cơ của địa chủ phong kiến, thiêu huỷ văn tự, khế ước, lấy của người giàu chia cho người nghèo. Tháng 6 - 1905, thuỷ thủ trên chiến hạm Pô-tem-kín khởi nghĩa. Nhiều đơn vị hải quân, lực lượng khác cũng nổi dậy.



Hình 36. Thủy thủ tàu Pô-tem-kin

Đỉnh cao của cuộc đấu tranh là khởi nghĩa vũ trang bùng nổ ở Mát-xcơ-va tháng 12 - 1905. Các chiến sĩ cách mạng đã chiến đấu vô cùng anh dũng trong gần hai tuần lễ. Cuối cùng, cuộc khởi nghĩa bị thất bại vì lực lượng quá chênh lệch.

Phong trào đấu tranh trên toàn nước Nga còn kéo dài đến giữa năm 1907 mới chấm dứt.

Tuy thất bại, song Cách mạng Nga 1905 - 1907 đã giáng một đòn chí tử vào nền thống trị của địa chủ và tư sản. Nó làm suy yếu chế độ Nga hoàng và là bước chuẩn bị cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa sẽ diễn ra vào năm 1917. Cách mạng Nga 1905 - 1907 đã có ảnh hưởng đến phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc.

- *Trình bày nguyên nhân và diễn biến của Cách mạng Nga 1905 - 1907.*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Nêu một số sự kiện chứng tỏ sự phát triển của phong trào công nhân cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.
2. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng Nga 1905 - 1907.

Bài 8

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KỸ THUẬT, KHOA HỌC, VĂN HỌC VÀ NGHỆ THUẬT THẾ KỈ XVIII - XIX

Trong các thế kỉ XVIII - XIX, những thành tựu về kĩ thuật, khoa học có tác dụng lớn đối với đời sống xã hội loài người. Văn học, nghệ thuật đã giữ vai trò quan trọng trong cuộc đấu tranh vì quyền sống và hạnh phúc của nhân dân.

I - NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU VỀ KỸ THUẬT

Trong lĩnh vực công nghiệp, từ nửa sau thế kỉ XVIII sản xuất bằng máy móc được tiến hành đầu tiên ở Anh, sau đó lan tràn ở các nước Âu - Mỹ, tạo nên cuộc cách mạng công nghiệp.

Kỹ thuật luyện kim được cải tiến làm tăng nhanh sản xuất thép. Cuối thế kỉ XIX, phát minh ra phương pháp sản xuất nhôm nhanh, rẻ. Nhiều máy chế tạo công cụ (máy tiện, máy phay...) ra đời; nhiều nguồn nhiên liệu mới được sử dụng trong công nghiệp như than đá, dầu mỏ. Sắt trở thành nguyên liệu chủ yếu để chế tạo máy móc, xây dựng đường sắt. Đặc biệt, máy hơi nước được sử dụng rộng rãi.

Việc phát minh ra máy hơi nước cũng làm cho ngành giao thông vận tải tiến bộ nhanh chóng.



Hình 37. Tàu thủy
Phơ-nơ-tơn

Năm 1807, một kĩ sư người Mi là Phơ-tơn đóng được tàu thủy chạy bằng động cơ hơi nước đầu tiên. Hơn 10 năm sau, một tàu thủy đã vượt Đại Tây Dương. Năm 1836, có hơn 500 tàu thủy hoạt động ở các hải cảng của Anh.

Đầu máy xe lửa chạy bằng hơi nước được chế tạo ở Anh từ năm 1802, chạy trên đường lát đá. Năm 1814, Xi-phen-xơn - một thợ máy người Anh, đã chế tạo được loại xe lửa chạy trên đường sắt kéo nhiều toa với tốc độ nhanh (8 toa, 6 km/giờ). Năm 1830, cả thế giới mới có 332 km đường sắt ; năm 1870 - độ dài đường sắt đã lên tới khoảng 200 000 km.

Giữa thế kỉ XIX, máy điện tín được phát minh ở Nga và Mi. Một người Mi là Moóc-xơ sáng chế ra bảng chữ cái cho điện tín gồm những gạch và chấm.

Trong nông nghiệp, cũng có nhiều tiến bộ về kĩ thuật và phương pháp canh tác. Sang thế kỉ XIX, phân hoá học được sử dụng. Máy kéo chạy bằng hơi nước, máy cày nhiều lưỡi, máy gặt đập được sử dụng rộng rãi.

Trong lĩnh vực quân sự, nhiều vũ khí mới được sản xuất : đại bác, súng trường bắn nhanh và xa ; chiến hạm vỏ thép chạy bằng chân vịt có trọng tải lớn ; ngư lôi bắt đầu được sử dụng ; khí cầu dùng để trinh sát trận địa đối phương...

- *Tại sao nói thế kỉ XIX là thế kỉ của sắt, máy móc và động cơ hơi nước ?*
- *Nêu những tiến bộ về kĩ thuật trong các lĩnh vực công nghiệp, giao thông vận tải, nông nghiệp và quân sự*

II - NHỮNG TIẾN BỘ VỀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ KHOA HỌC XÃ HỘI

1. Khoa học tự nhiên

Thế kỉ XVIII - XIX đã chứng kiến những tiến bộ vượt bậc của khoa học tự nhiên với những phát minh lớn của các nhà khoa học. Đầu thế kỉ XVIII, nhà bác học Niu-tơn (Anh) tìm ra thuyết vạn vật hấp dẫn, nhờ đó một loạt vấn đề khoa học được làm sáng tỏ, sâu sắc hơn.

Giữa thế kỉ XVIII, nhà bác học Lô-mô-nô-xốp (Nga) tìm ra định luật bảo toàn vật chất và năng lượng cùng nhiều phát minh lớn về vật lí, hoá học.

Năm 1837, nhà bác học Puốc-kin-giơ (Séc) khám phá bí mật của sự phát triển của thực vật và đời sống của mô động vật. Ông là người đầu tiên chứng minh rằng, đời sống của mô sinh vật là sự phát triển của tế bào và sự phân bào.



Hình 38. I. Niu-tơn (1643 - 1727)

Năm 1859, nhà bác học Đắc-uy-n (Anh) nêu lên thuyết tiến hoá và di truyền. Học thuyết của Đắc-uy-n đập tan quan niệm về nguồn gốc thần thánh của sinh vật và về tính chất bất biến của các loài.

Những phát minh lớn trên chứng tỏ rằng vạn vật biến chuyển, vận động theo quy luật ; chúng tấn công mạnh mẽ vào giáo lí thần học cho rằng Thượng đế sinh ra muôn loài.

- Nêu những phát minh lớn về khoa học tự nhiên trong các thế kỉ XVIII - XIX.

2. Khoa học xã hội

Các ngành khoa học xã hội cũng có những bước tiến mạnh mẽ.

Ở Đức, chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng được xây dựng tương đối hoàn thiện với các đại biểu là Phoi-ơ-bách và Hê-ghe-n.

Ở Anh, chính trị kinh tế học tư sản ra đời với các đại biểu xuất sắc là X-mít và Ri-các-đô.

Chủ nghĩa xã hội không tưởng gắn liền với tên tuổi của Xanh Xi-mông, Phu-ri-ê (Pháp) và Ô-oen (Anh).

Phát minh lớn nhất về khoa học xã hội là học thuyết Chủ nghĩa xã hội khoa học (giữa thế kỉ XIX) do Mác và Ăng-ghe-n đề xướng. Đây là cuộc cách mạng trong lịch sử tư tưởng của loài người.

- Vai trò của khoa học xã hội đối với đời sống xã hội loài người trong các thế kỉ XVIII - XIX.

3. Sự phát triển của văn học và nghệ thuật

Văn học và nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII - XIX đạt được những thành tựu to lớn, phục vụ cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến, giải phóng nhân dân bị áp bức.

Ở Pháp, các nhà tư tưởng như Vôn-te, Mông-te-xki-ơ, Rút-xô đã kịch liệt phê phán chế độ phong kiến lỗi thời.

Ở Đức, Si-lơ, Gớt ca ngợi cuộc đấu tranh vì tự do của nhân dân, giải phóng mọi người khỏi ách áp bức của những kẻ giàu có và quyền thế.

Ở Anh, nhà thơ Bai-ron dùng văn trào phúng làm vũ khí chống bọn cầm quyền và phê phán những bất công trong xã hội.

Trong thế kỉ XIX, nhiều nhà văn tiến bộ còn cố gắng vạch trần bộ mặt thật của xã hội tư bản, châm biếm bọn thống trị phản động, đấu tranh cho tự do, hạnh phúc và chính nghĩa.

Chủ nghĩa hiện thực phê phán xuất hiện và trở thành trào lưu văn học tiến bộ. Tiêu biểu là các nhà văn : Ban-đắc ở Pháp, Thác-cơ-rê, Đích-ken ở Anh, Gô-gôn, Lép Tôn-xtôi ở Nga...



Hình 39. V.A. Mô-da
(1756 - 1791)



Hình 40. Lép Tôn-xtôi
(1828 - 1910)

Trong âm nhạc, nhiều thiên tài xuất hiện như Mô-da (Áo), Bách và Bét-tô-ven (Đức), Sô-panh (Ba Lan), Trai-cốp-xki (Nga)... Các tác phẩm âm nhạc của họ phản ánh cuộc sống, chứa chan tình nhân ái, ca ngợi cuộc đấu tranh cho tự do.

Trong hội họa, đã xuất hiện nhiều danh họa gắn bó với cách mạng và quần chúng. Tiêu biểu ở Pháp là Đa-vít, Đơ-la-croa, nhất là Cuốc-bê, một họa sĩ của dân nghèo đã tham gia Công xã Pa-ri. Ở Tây Ban Nha, Gô-i-a được ca ngợi vì những tuyệt tác phê phán bọn phong kiến và Giáo hội, đặc biệt là tranh châm biếm.

- Nêu tên những tác giả và tác phẩm tiêu biểu trong các thế kỉ XVIII - XIX.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Lập bảng thống kê những thành tựu chủ yếu của kĩ thuật, khoa học, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII - XIX.
2. Vai trò của văn học, nghệ thuật trong cuộc đấu tranh vì quyền sống và hạnh phúc của nhân dân.
3. Bằng những kiến thức đã học, hãy giới thiệu vài nét về một tác giả hay một tác phẩm văn học tiêu biểu trong các thế kỉ XVIII - XIX.

Chương III

CHÂU Á THẾ KỈ XVIII - ĐẦU THẾ KỈ XX

Bài 9

ẤN ĐỘ THẾ KỈ XVIII - ĐẦU THẾ KỈ XX

Ấn Độ là nước sớm bị thực dân Anh xâm lược và đô hộ. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đã diễn ra, song thất bại.

I - SỰ XÂM LƯỢC VÀ CHÍNH SÁCH THỐNG TRỊ CỦA ANH

Từ thế kỉ XVI, thực dân phương Tây đã từng bước xâm nhập vào châu Á, đặc biệt ở Ấn Độ. Sang đầu thế kỉ XVIII, sự tranh giành giữa Anh và Pháp dẫn đến cuộc chiến tranh giữa hai nước này trên đất Ấn Độ. Kết quả là Anh đã gạt Pháp, hoàn thành công cuộc chinh phục và đặt ách thống trị Ấn Độ. Sự thống trị của Anh ở Ấn Độ dẫn đến nhiều hậu quả cho xã hội và nhân dân nước này.

Giá trị lương thực xuất khẩu		Số người chết đói	
Năm	Số lượng	Năm	Số người chết
1840	858 000 livơ	1825 - 1850	400 000
1858	3 800 000 livơ	1850 - 1875	5 000 000
1901	9 300 000 livơ	1875 - 1900	15 000 000

- Qua bảng thống kê trên, em có nhận xét gì về chính sách thống trị của thực dân Anh và hậu quả của nó đối với Ấn Độ ?

II - PHONG TRÀO ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC CỦA NHÂN DÂN ẤN ĐỘ

Nhiều cuộc khởi nghĩa chống Anh của nhân dân Ấn Độ liên tiếp nổ ra, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Xi-pay⁽¹⁾ (1857 - 1859).

Bất mãn trước việc bọn chỉ huy Anh bắt giam những người lính có tư tưởng chống Anh, 60 000 lính Xi-pay cùng nhân dân nổi dậy vũ trang khởi nghĩa. Chẳng bao lâu, cuộc khởi nghĩa lan rộng khắp miền Bắc và một phần miền Trung Ấn Độ. Nghĩa quân đã lập chính quyền ở ba thành phố lớn. Cuộc khởi nghĩa duy trì được hai năm thì bị thực dân Anh dốc toàn lực đàn áp dã man. Nhiều nghĩa quân bị trói vào họng đại bác, rồi bị bắn cho tan xương nát thịt. Cuộc khởi nghĩa Xi-pay tiêu biểu cho tinh thần bất khuất của nhân dân Ấn Độ chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng dân tộc.



Hình 41. Khởi nghĩa Xi-pay

Các phong trào đấu tranh của nông dân và công nhân Ấn Độ trong những năm 1875 - 1885 có tác dụng thúc đẩy giai cấp tư sản Ấn Độ đứng lên chống thực dân Anh. Năm 1885, Đảng Quốc dân Đại hội (gọi tắt là Đảng Quốc đại) - chính đảng của giai cấp tư sản dân tộc Ấn Độ, được thành lập nhằm đấu tranh giành quyền tự trị, phát triển nền kinh tế dân tộc. Trong quá trình hoạt động,

(1) Xi-pay là tên gọi những đội quân người Ấn đánh thuê cho đế quốc Anh.

Đảng Quốc đại đã phân hoá thành hai phái. Phái “Ôn hoà” chủ trương thoả hiệp, chỉ yêu cầu chính phủ thực dân cải cách. Phái “Cấp tiến”, do Ti-lắc cầm đầu, có thái độ kiên quyết chống Anh. Tháng 6 - 1908, chính quyền Anh bắt giam Ti-lắc và nhiều chiến sĩ cách mạng khác.

Chính sách thống trị và bóc lột của thực dân Anh cũng dẫn đến cao trào đấu tranh của nhân dân và công nhân Ấn Độ. Năm 1905, nhân dân Ấn Độ tiến hành nhiều cuộc biểu tình rầm rộ chống chính sách “chia để trị” của thực dân Anh đối với xứ Ben-gan. Tháng 7 - 1908, ở Bom-bay công nhân tổ chức nhiều cuộc bãi công chính trị, thành lập các đơn vị chiến đấu, xây dựng chiến lược chống lại quân đội Anh. Thực dân Anh đàn áp rất dã man. Các cuộc đấu tranh lần lượt thất bại, song phong trào yêu nước chống thực dân Anh của nhân dân Ấn Độ không bị dập tắt, đặt cơ sở cho thắng lợi sau này.

- *Trình bày diễn biến cuộc khởi nghĩa Xi-pay (1857 - 1859).*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Nêu những hậu quả sự thống trị của Anh ở Ấn Độ.
2. Đảng Quốc đại được thành lập nhằm mục tiêu đấu tranh gì ?
3. Lập niên biểu về phong trào chống Anh của nhân dân Ấn Độ từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.

Bài 10

TRUNG QUỐC GIỮA THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

Quá trình Trung Quốc trở thành nước nửa thuộc địa cũng là quá trình mà các phong trào chống đế quốc và phong kiến của nhân dân Trung Quốc nổ ra rầm rộ vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, nổi bật là Cách mạng Tân Hợi năm 1911.

I - TRUNG QUỐC BỊ CÁC NƯỚC ĐẾ QUỐC CHIA XÉ

Trung Quốc là một nước lớn, giàu tài nguyên, có nền văn hoá rực rỡ, nhưng từ nửa sau thế kỉ XIX đã suy yếu vì chế độ phong kiến mục nát. Trong những năm 1840 - 1842, thực dân Anh tiến hành cuộc Chiến tranh thuốc phiện, mở đầu quá trình xâm lược Trung Quốc. Tiếp theo đó, các nước đế quốc Âu, Mĩ và Nhật Bản tranh nhau xâm xé nước này. Trung Quốc ngày càng bị phụ thuộc vào các nước đế quốc.



Hình 42. Các nước đế quốc xâu xé “cái bánh ngọt” Trung Quốc

Sau cuộc chiến tranh Trung - Nhật (1894 - 1895) với sự thất bại của nhà Mãn Thanh, các nước đế quốc tăng cường xâm lược Trung Quốc :

- Đức xâm chiếm tỉnh Sơn Đông.
- Anh chiếm vùng châu thổ sông Dương Tử.
- Pháp thôn tính vùng Vân Nam.
- Nga, Nhật chiếm đóng vùng Đông Bắc.

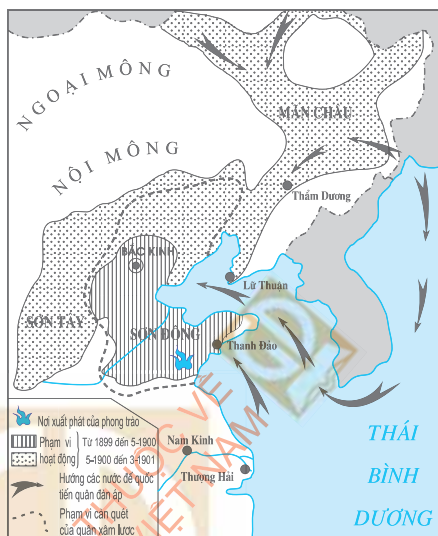
- Vì sao các nước đế quốc tranh nhau xâm chiếm Trung Quốc ?

II - PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN TRUNG QUỐC CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

Trước nguy cơ xâm lược của các nước đế quốc và sự hèn yếu của nhà Mãn Thanh, từ giữa thế kỉ XIX, nhân dân Trung Quốc đã tiến hành đấu tranh mạnh mẽ chống đế quốc, phong kiến. Tiêu biểu là cuộc kháng chiến chống Anh xâm lược (1840 - 1842) và phong trào nông dân Thái bình Thiên quốc (1851 - 1864).

Cuối thế kỉ XIX, trong hoàn cảnh các nước đế quốc tăng cường xâm lược Trung Quốc, một số người tiến bộ trong giai cấp thống trị Trung Quốc chủ trương tiến hành cải cách chính trị để hòng cứu vãn tình hình. Đó là cuộc vận động Duy tân (1898), do hai nhà nho yêu nước - Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu chủ trương, vua Quang Tự đứng đầu. Cuộc cải cách bị thất bại vì lực lượng của phái Duy tân quá yếu. Từ Hi Thái hậu làm chính biến, ra lệnh trấn áp những người lãnh đạo phái Duy tân.

Vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, một phong trào nông dân chống đế quốc bùng nổ ở miền Bắc Trung Quốc : phong trào Nghĩa Hoà đoàn.



Hình 43. Lược đồ phong trào Nghĩa Hoà đoàn

Bùng nổ ở Sơn Đông, phong trào nhanh chóng lan rộng ra cả vùng Sơn Tây và Đông Bắc Trung Quốc, đồng thời tiến công các sứ quán nước ngoài ở Bắc Kinh.

Liên quân tám nước đế quốc : Anh, Nhật, Mĩ, Đức, Nga, Pháp, Áo-Hung, Ý-Ita-li-a tiến vào Bắc Kinh đàn áp phong trào. Nghĩa Hoà đoàn đã anh dũng chiến đấu chống quân xâm lược, nhưng cuối cùng bị đánh bại vì thiếu sự lãnh đạo thống nhất, thiếu vũ khí và do sự cầu kết của triều đình Mãn Thanh với các nước đế quốc.

- Dùng lược đồ, trình bày đôi nét về diễn biến của phong trào Nghĩa Hoà đoàn.

III - CÁCH MẠNG TÂN HỘI (1911)

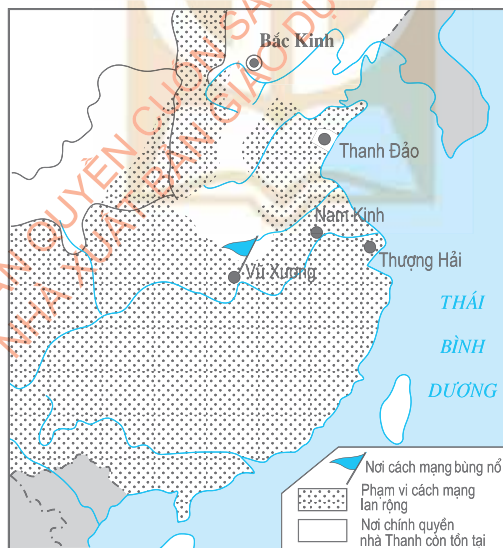
Dựa vào phong trào đấu tranh bên bờ, liên tục của quần chúng nhân dân, giai cấp tư sản Trung Quốc bắt đầu tập hợp lực lượng và thành lập các hội, các đảng. Đại diện ưu tú nhất cho phong trào cách mạng tư sản Trung Quốc đầu thế kỉ XX là Tôn Trung Sơn. Tháng 8 - 1905, ông thành lập Trung Quốc Đồng minh hội và đề ra Học thuyết Tam dân (Dân tộc độc lập, Dân quyền tự do, Dân sinh hạnh phúc) nhằm “đánh đổ Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, thành lập Dân quốc, thực hiện quyền bình đẳng về ruộng đất”.



Hình 44. Tôn Trung Sơn
(1866 - 1925)

Dưới sự lãnh đạo của Đồng minh hội, cuộc khởi nghĩa vũ trang bùng nổ và giành thắng lợi ở Vũ Xương (10 - 10 - 1911).

Phong trào cách mạng lan rộng nhanh chóng sang tất cả các tỉnh miền Nam từ Quảng Đông, Quảng Tây đến Tứ Xuyên và tiến dần lên miền Bắc. Chính phủ Mãn Thanh chỉ còn giữ mấy tỉnh miền Bắc và cuối cùng bị sụp đổ.



Hình 45.
Lược đồ
Cách mạng
Tân Hội

Ngày 29 - 12 - 1911, một chính phủ lâm thời được thành lập ở Nam Kinh, tuyên bố thành lập *Trung Hoa dân quốc*. Tôn Trung Sơn được bầu làm Tổng thống lâm thời. Nhưng những người lãnh đạo đã không kiên quyết lại với và thương lượng, đưa Viên Thế Khải - vốn là một đại thần nhà Thanh, lên thay Tôn Trung Sơn (tháng 2 - 1912) làm Tổng thống. Cách mạng coi như đã kết thúc.

- Dựa theo lược đồ, trình bày một vài nét chính về diễn biến của Cách mạng Tân Hợi.

Cách mạng Tân Hợi là một cuộc cách mạng tư sản, có ý nghĩa lịch sử rất lớn. Lần đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc, chế độ quân chủ chuyên chế đã bị lật đổ, chế độ cộng hòa ra đời. Cách mạng đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Trung Quốc và có ảnh hưởng đáng kể đối với phong trào giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á.

Cách mạng Tân Hợi cũng còn những hạn chế. Đây là cuộc cách mạng tư sản không triệt để, không nêu vấn đề đánh đuổi đế quốc và không tích cực chống phong kiến. Cuộc cách mạng này mới lật đổ được chế độ quân chủ chuyên chế của nhà Thanh, nhưng chưa đụng chạm đến giai cấp địa chủ phong kiến, không giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.

- Nêu những kết quả và hạn chế của Cách mạng Tân Hợi (1911).

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Trình bày quá trình xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.
2. Lập bảng niên biểu tóm tắt phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc chống đế quốc phong kiến từ năm 1840 đến năm 1911.
3. Trình bày về Tôn Trung Sơn và nội dung Học thuyết Tam dân.
4. Vì sao các phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX lần lượt thất bại ?

Bài 11

CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

Cùng với quá trình xâm lược của các nước thực dân phương Tây ở Đông Nam Á, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc cũng diễn ra sôi nổi tại khu vực này.

I - QUÁ TRÌNH XÂM LƯỢC CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN Ở CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

Các quốc gia Đông Nam Á có vị trí địa lí quan trọng, giàu tài nguyên nên sớm trở thành đối tượng xâm lược của các nước tư bản phương Tây.

Đông Nam Á là một khu vực khá rộng, bao gồm nhiều nước trên lục địa và hải đảo, diện tích khoảng 4,5 triệu km², ngày nay có số dân hơn 500 triệu người ; các dân tộc có nền văn hoá truyền thống rực rỡ. Đông Nam Á nằm trên đường hàng hải từ Tây sang Đông, nối liền Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương. Đây là khu vực giàu tài nguyên : lúa gạo, cây hương liệu, động vật, khoáng sản..., có nguồn nhân công rẻ và thị trường tiêu thụ lớn.

Nhân khi chế độ phong kiến ở các nước Đông Nam Á đang suy yếu, vào nửa sau thế kỉ XIX, các nước tư bản phương Tây đã đẩy mạnh các cuộc chiến tranh xâm chiếm thuộc địa.

Thực dân Anh xâm chiếm Mã Lai, Miến Điện ; Pháp chiếm Việt Nam, Cam-pu-chia, Lào ; Tây Ban Nha rồi Mỹ chiếm Phi-líp-pin ; Hà Lan và Bồ Đào Nha thôn tính In-đô-nê-xi-a ; chỉ có Xiêm thoát khỏi tình trạng là nước thuộc địa.

- Vì sao khu vực Đông Nam Á trở thành đối tượng xâm lược của các nước tư bản phương Tây ?

II - PHONG TRÀO ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

Ngay khi bị thực dân phương Tây xâm lược, nhân dân các nước Đông Nam Á đã kiên quyết đấu tranh để bảo vệ Tổ quốc. Tuy vậy, các cuộc kháng chiến lần lượt thất bại vì lực lượng của bọn xâm lược mạnh, chính quyền phong kiến ở nhiều nước đầu hàng, làm tay sai ; cuộc đấu tranh của nhân dân thiếu tổ chức và thiếu lãnh đạo chặt chẽ.



Hình 46. Lược đồ khu vực Đông Nam Á cuối thế kỉ XIX

Sau khi thôn tính và biến các nước Đông Nam Á thành thuộc địa, thực dân phương Tây đã tiến hành những chính sách cai trị hà khắc : vơ vét, đàn áp, chia để trị.

Tuy nhiên hình cụ thể mà mỗi nước thực dân có chính sách cai trị, bóc lột khác nhau, song nhìn chung là vơ vét tài nguyên đưa về chính quốc, không mở mang công nghiệp ở thuộc địa, tăng các loại thuế, mở đồn điền, bắt lính, đàn áp phong trào yêu nước.

- Chính sách thuộc địa của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á có những điểm chung nào nổi bật ?

Cuộc đấu tranh của nhân dân chống xâm lược, giải phóng dân tộc ở các nước Đông Nam Á phát triển liên tục, rộng khắp.

Ở In-đô-nê-xi-a, vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, nhiều tổ chức yêu nước của trí thức tư sản tiến bộ ra đời, thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Từ sau năm 1905, nhiều tổ chức công đoàn được thành lập và bước đầu truyền bá chủ nghĩa Mác vào In-đô-nê-xi-a.

Năm 1905, công đoàn đầu tiên của công nhân xe lửa được thành lập.
Năm 1908, Hội liên hiệp công nhân In-đô-nê-xi-a ra đời. Tháng 5 - 1920, Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a thành lập.

Ở Phi-líp-pin, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của thực dân Tây Ban Nha diễn ra quyết liệt. Cuộc cách mạng 1896 - 1898 bùng nổ, dẫn tới sự ra đời nước Cộng hoà Phi-líp-pin, nhưng sau đó lại bị đế quốc Mỹ thôn tính.

Mượn cớ "giúp đỡ" nhân dân Phi-líp-pin chống Tây Ban Nha, Mỹ gây ra cuộc chiến tranh với Tây Ban Nha và sau đó thôn tính nước này. Nhân dân Phi-líp-pin tiếp tục kháng chiến chống Mỹ, song thất bại, Mỹ đưa 70.000 quân đàn áp cuộc đấu tranh của nhân dân Phi-líp-pin, giết hại hơn 60.000 người yêu nước. Phong trào giải phóng dân tộc tạm lắng xuống một thời gian, rồi tiếp tục bùng lên.

- Mỹ tiến hành xâm lược Phi-líp-pin như thế nào ?

Ở Cam-pu-chia, ngay sau khi vua Nô-rô-đôm kí hiệp ước thừa nhận nền đô hộ của Pháp năm 1863, nhiều cuộc khởi nghĩa của nhân dân đã nổ ra. Điển hình là cuộc khởi nghĩa do A-cha Xoa lãnh đạo ở Ta Keo (1863 - 1866) và cuộc khởi nghĩa dưới sự chỉ huy của nhà sư Pu-côm-bô ở Cra-chê (1866 - 1867).

A-cha Xoa lập căn cứ chống Pháp ở vùng Bảy Núi (Châu Đốc, Việt Nam), liên minh với nghĩa quân Thiên hộ Dương.

Pu-côm-bô xây dựng căn cứ ở Tây Ninh, liên kết với nghĩa quân Trương Quyền, Thiên hộ Dương, được nhân dân Việt Nam giúp đỡ, đã đánh thắng quân Pháp nhiều trận.

Ở Lào, đầu thế kỉ XX, nhân dân đã nhiều lần nổi dậy khởi nghĩa chống Pháp. Năm 1901, nhân dân Xa-van-na-khet tiến hành cuộc đấu tranh vũ trang dưới sự lãnh đạo của Pha-ca-đuốc. Cũng năm đó, một cuộc khởi nghĩa khác đã nổ ra ở cao nguyên Bô-lô-ven, lan sang Việt Nam và kéo dài đến năm 1907 mới bị dập tắt.

Ở Miến Điện, cuộc kháng chiến chống thực dân Anh (1885) đã diễn ra rất anh dũng nhưng cuối cùng bị thất bại. Nghĩa quân phải rút vào rừng sâu.

Ở Việt Nam, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc diễn ra liên tục và quyết liệt. Bên cạnh phong trào Cần vương, làn sóng đấu tranh chống Pháp diễn ra ở khắp nơi, tiêu biểu là phong trào nông dân Yên Thế (1884 - 1913).

Vào đầu thế kỉ XX, do những biến chuyển sâu sắc trong xã hội, phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam mang màu sắc mới.

- Nêu nhận xét của em về tình hình chung của các nước Đông Nam Á vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Dựa theo lược đồ, trình bày khái quát quá trình xâm lược các nước Đông Nam Á của thực dân phương Tây.
2. Hãy trình bày những nét lớn về phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Đông Nam Á vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX. Tại sao những phong trào này đều thất bại ?
3. Lập niên biểu về cuộc đấu tranh của nhân dân Đông Nam Á vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

Bài 12

NHẬT BẢN GIỮA THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

Đứng trước nguy cơ bị xâm lược, Nhật Bản đã tiến hành cuộc Duy tân Minh Trị, đưa nước này phát triển theo con đường tư bản rồi chuyển sang chủ nghĩa đế quốc.

I - CUỘC DUY TÂN MINH TRỊ

Các nước tư bản phương Tây (Mĩ, Nga, Anh, Pháp...) ngày càng tăng cường can thiệp vào Nhật Bản, đòi “mở cửa”. Trước tình hình ấy, Nhật Bản cần có sự lựa chọn : hoặc tiếp tục duy trì chế độ phong kiến mục nát để trở thành miếng mồi cho thực dân phương Tây, hoặc canh tân để phát triển đất nước.

Tháng 1 - 1868, sau khi lên ngôi, Thiên hoàng Minh Trị đã thực hiện một loạt cải cách tiến bộ nhằm đưa Nhật Bản thoát khỏi tình trạng phong kiến lạc hậu. Đó là cuộc Duy tân Minh Trị, được tiến hành trên nhiều lĩnh vực : kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, giáo dục, quân sự.

Về kinh tế : Chính phủ đã thi hành nhiều cải cách như thống nhất tiền tệ, xoá bỏ sự độc quyền ruộng đất của giai cấp phong kiến, tăng cường phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, xây dựng cơ sở hạ tầng, đường sá, cầu cống ... phục vụ giao thông liên lạc.

Về chính trị, xã hội : Chế độ nông nô được bãi bỏ, đưa quý tộc tư sản hoá và đại tư sản lên nắm chính quyền ; thi hành chính sách giáo dục bắt buộc, chú trọng nội dung khoa học - kĩ thuật trong chương trình giảng dạy, cử những học sinh ưu tú đi du học ở phương Tây.

Về quân sự : Quân đội được tổ chức và huấn luyện theo kiểu phương Tây, chế độ nghĩa vụ thay cho chế độ trưng binh. Công nghiệp đóng tàu, sản xuất vũ khí được chú trọng...



Hình 47.
Thiên hoàng Minh Trị
(1852 - 1912)

Đến cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, Nhật Bản thoát khỏi nguy cơ trở thành thuộc địa, phát triển thành một nước tư bản công nghiệp.

- Trình bày nội dung và kết quả của cuộc Duy tân Minh Trị.

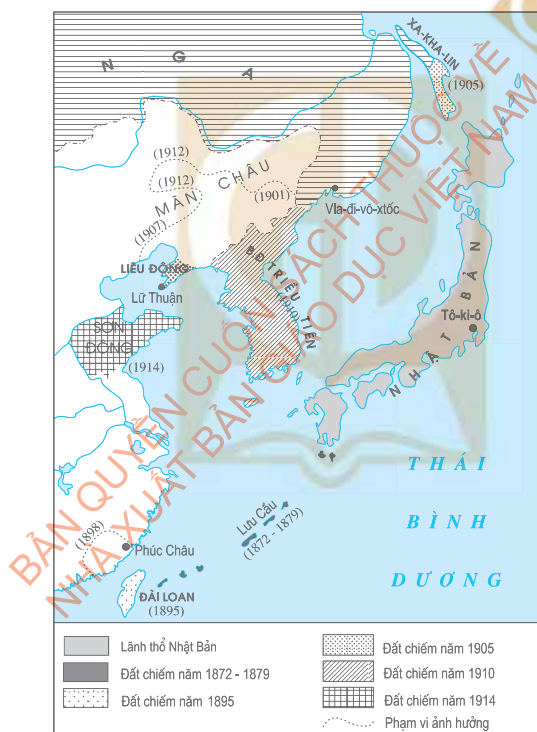


Hình 48. Khánh thành một đoàn tàu ở Nhật Bản

II - NHẬT BẢN CHUYỂN SANG CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC

Sau cuộc chiến tranh Trung - Nhật (1894 - 1895), nhờ số tiền bồi thường và của cải cướp được ở Triều Tiên và Trung Quốc, kinh tế Nhật Bản càng phát triển mạnh mẽ.

Trong 14 năm (từ 1900 đến 1914), tỉ lệ công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân đã tăng từ 19% lên 42%. Việc đẩy mạnh công nghiệp hoá kéo theo sự tập trung trong công nghiệp, thương nghiệp và ngân hàng. Nhiều công ti độc quyền xuất hiện, như Mít-xui và Mít-su-bi-si, giữ vai trò to lớn, bao trùm lên đời sống kinh tế, chính trị của nước Nhật. Các hãng này làm chủ nhiều ngân hàng, hầm mỏ, xí nghiệp đường sắt, tàu biển...



Hình 49. Lược đồ đế quốc Nhật cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX

Bước sang thế kỉ XX, giới cầm quyền Nhật Bản đã đẩy mạnh chính sách xâm lược và bành trướng. Chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905) kết thúc với sự thất bại của đế quốc Nga.

Như vậy, Nhật chiếm bán đảo Liêu Đông, phía nam đảo Xa-kha-lin, Đài Loan và cảng Lữ Thuận của Trung Quốc. Năm 1914, Nhật Bản đã dùng vũ lực để mở rộng khu vực ảnh hưởng ở Trung Quốc và chiếm Sơn Đông. Thuộc địa của đế quốc Nhật mở rộng rất nhiều.

- *Vì sao kinh tế Nhật Bản từ cuối thế kỉ XIX phát triển mạnh ?*
- *Dựa vào lược đồ, trình bày sự mở rộng thuộc địa của đế quốc Nhật.*

III - CUỘC ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN LAO ĐỘNG NHẬT BẢN

Chủ nghĩa tư bản phát triển, nhân dân lao động Nhật Bản càng bị áp bức bóc lột nặng nề. Công nhân Nhật phải làm việc mỗi ngày từ 12 đến 14 giờ trong những điều kiện rất tồi tệ, có hại cho sức khỏe mà tiền lương lại thấp hơn ở các nước Âu, Mỹ rất nhiều.

Bị bóc lột quá nặng nề, phong trào công nhân Nhật Bản đã có những bước tiến đầu tiên trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản. Một số nghiệp đoàn ra đời. Đảng Xã hội dân chủ Nhật Bản thành lập năm 1901, dưới sự lãnh đạo của Ca-tai-a-ma Xen.

Ca-tai-a-ma Xen xuất thân trong một gia đình nghèo ; năm 23 tuổi làm công nhân ở Tô-kì-ô. Ông tham gia hoạt động trong phong trào công nhân. Năm 1898, ông đã lãnh đạo công nhân đường sắt bãi công thắng lợi sau hàng tháng đấu tranh.

Từ năm 1906, dưới ảnh hưởng của Cách mạng Nga 1905, phong trào công nhân ở Nhật Bản phát triển mạnh hơn. Phong trào đấu tranh chống tô thuế và nạn đất đỏ của nông dân và các tầng lớp lao động khác cũng được đẩy mạnh.

Trong năm 1907, có 57 cuộc bãi công. Ở xưởng đúc vũ khí Ô-xa-ca, hàng vạn công nhân tham gia đấu tranh. Cuộc đấu tranh còn phát triển vào những năm sau đó (năm 1912 có 46 cuộc bãi công, đến năm 1917 tăng lên 398).

- *Em có nhận xét gì về các cuộc đấu tranh của công nhân Nhật Bản vào đầu thế kỉ XX ?*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Nêu nội dung và ý nghĩa cuộc Duy tân Minh Trị 1868.
2. Những sự kiện nào chứng tỏ vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, Nhật Bản đã trở thành nước đế quốc ?

Chương IV

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 - 1918)

Bài 13

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 - 1918)

Sự phát triển không đều giữa các nước đế quốc cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX đã dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ nhất. Cuộc chiến tranh này kéo dài 4 năm, gây nên những tổn thất vô cùng to lớn.

I - NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN CHIẾN TRANH

Sự phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX đã làm thay đổi sâu sắc so sánh lực lượng giữa các nước đế quốc. Những cuộc chiến tranh đế quốc đầu tiên để tranh giành thuộc địa đã diễn ra.

- Chiến tranh Mĩ - Tây Ban Nha (1898) : Mĩ chiếm Cu-ba và Phi-líp-pin của Tây Ban Nha.
- Chiến tranh Anh - Bô-ơ (1899 - 1902) : Anh thôn tính hai nước của người Bô-ơ, sáp nhập vào Nam Phi.
- Chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905).

Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thuộc địa trở nên gay gắt, dẫn đến sự hình thành hai khối quân sự kình địch nhau : khối *Liên minh* gồm Đức, Áo-Hung, I-ta-li-a ra đời năm 1882 ⁽¹⁾ ; khối *Hiệp ước* của ba nước Anh, Pháp, Nga hình thành năm 1907. Hai khối này đều ráo riết chạy đua vũ trang và tích cực chuẩn bị chiến tranh, mong muốn thanh toán địch thủ của mình để chia lại thuộc địa, làm bá chủ thế giới.

(1) Về sau, I-ta-li-a rút khỏi khối Liên minh, gia nhập khối Hiệp ước (1915).

Từ năm 1912, tình hình ở bán đảo Ban-căng trở nên căng thẳng. Ngày 28 - 6 - 1914, Thái tử Áo - Hung bị một phần tử khủng bố ở Xéc-bi ám sát. Bọn quân phiệt Đức, Áo - Hung chớp lấy cơ hội này để gây chiến tranh.

- Vì sao các nước đế quốc ráo riết chuẩn bị Chiến tranh thế giới thứ nhất ?

II - NHỮNG DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA CHIẾN SỰ

Ngày 28 - 7 - 1914, Áo - Hung tuyên chiến với Xéc-bi, là nước được khối Hiệp ước ủng hộ. Ngày 1 - 8, Đức tuyên chiến với Nga ; ngày 3 - 8, tuyên chiến với Pháp. Ngày 4 - 8, Anh tuyên chiến với Đức. Chiến tranh bùng nổ và nhanh chóng trở thành chiến tranh thế giới.

1. Giai đoạn thứ nhất (1914 - 1916)

Quân Đức tập trung lực lượng ở mặt trận phía Tây nhằm đánh bại quân Pháp một cách chớp nhoáng. Pa-ri bị uy hiếp. Quân Pháp đang có nguy cơ bị tiêu diệt, song ở mặt trận phía Đông, quân Nga lại tấn công quân Đức, cứu nguy cho Pháp. Từ năm 1916, chiến tranh chuyển sang giai đoạn cầm cự ở cả hai phe.

Thời kì đầu, chiến tranh chỉ diễn ra giữa các khối nước châu Âu, sau đó lôi kéo nhiều nước ở các châu lục khác cùng tham gia. Nhiều loại vũ khí hiện đại được đưa vào sử dụng. Hàng chục triệu nhân dân lao động bị thương vong vì lợi ích của giai cấp thống trị.



Hình 50. Xe tăng, lần đầu tiên được Anh sử dụng trong Chiến tranh thế giới thứ nhất

- Nêu những nét chính về diễn biến chiến sự trong giai đoạn thứ nhất.

2. Giai đoạn thứ hai (1917 - 1918)

Từ mùa xuân năm 1917, chiến sự chủ yếu diễn ra ở mặt trận Tây Âu. Phe Hiệp ước phản công, phe Liên minh thất bại và đầu hàng.

Ngày 7 - 11 - 1917, Cách mạng tháng Mười thắng lợi ở Nga, Nhà nước Xô viết rút khỏi chiến tranh.

Tháng 7 - 1918, quân Anh, Pháp bắt đầu phản công và đến tháng 9 - 1918, quân Anh, Pháp, Mi tổng tấn công ở khắp các mặt trận. Các đồng minh của Đức lần lượt đầu hàng.

Ngày 9 - 11 - 1918, cách mạng bùng nổ ở Đức, lật đổ nền quân chủ và thành lập chế độ cộng hoà.

Ngày 11 - 11 - 1918, chính phủ mới ở Đức đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh thế giới kết thúc với sự thất bại hoàn toàn của phe Đức, Áo - Hung.



Hình 51: Đức kí hiệp định đầu hàng, kết thúc Chiến tranh thế giới thứ nhất

- **Lập niên biểu về giai đoạn thứ hai của cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất.**
- **Sự chuyển biến chiến sự ở giai đoạn này diễn ra như thế nào ?**

III - KẾT CỤC CỦA CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

Chiến tranh đã gây nhiều tai hoạ cho nhân loại : 10 triệu người chết, hơn 20 triệu người bị thương. Nhiều thành phố, làng mạc, đường sá, cầu cống, nhà máy bị phá huỷ. Số tiền các nước tham chiến chi phí cho chiến tranh lên tới khoảng 85 tỉ đôla.

Chiến tranh kết thúc đem lại lợi ích cho các nước đế quốc thắng trận. Bản đồ thế giới được chia lại : Đức mất hết thuộc địa ; Anh, Pháp, Mi mở rộng thêm thuộc địa của mình.

Trong quá trình chiến tranh, phong trào cách mạng thế giới vẫn không ngừng phát triển, nổi bật là thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga.

- Từ diễn biến và kết cục của Chiến tranh thế giới thứ nhất, em hãy nêu tính chất của nó.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Nguyên nhân nào dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ nhất ?
2. Chiến tranh thế giới thứ nhất đã gây nên những hậu quả như thế nào ?
3. Lập bảng niên biểu những sự kiện chính của Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Bài 14

ÔN TẬP LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI (Từ giữa thế kỉ XVI đến năm 1917)

I - NHỮNG SỰ KIỆN LỊCH SỬ CHÍNH

Lập bảng thống kê về những sự kiện chính của lịch sử thế giới cận đại (theo mẫu dưới đây) :

Thời gian	Sự kiện	Kết quả
Tháng 8 - 1566	Cách mạng Hà Lan	Lật đổ ách thống trị của Vương quốc Tây Ban Nha

II - NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU

Nội dung lịch sử thế giới cận đại gồm những vấn đề cơ bản sau đây :

- Sự ra đời và phát triển của nền sản xuất mới - tư bản chủ nghĩa ; mâu thuẫn giữa chế độ phong kiến với tư sản và các tầng lớp nhân dân ngày càng gay gắt dẫn tới những cuộc cách mạng tư sản.